

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG
KHOA ĐIỆN TỬ - TIN HỌC**



BÁO CÁO MÔN HỌC

**Xây Dựng Phần Mềm Quản
Lý Cửa Hàng Đồ Chơi**

GVHD: Dương Hữu Phước - Lưu Tuệ Hào

Sinh viên thực hiện:

Nguyễn Thành Lực - 0306161195

Nguyễn Thanh Tâm - 0306161230

Lê Hữu Thắng – 0306161237

Năm học : 2018 - 2019

[illegible]

Lời mở đầu

Cửa hàng đồ chơi là một cửa hàng nhỏ, bày bán đầy đủ các loại đồ chơi chủ yếu cho các độ tuổi từ trung hộ trở xuống. Đôi khi nhiều cửa hàng chỉ tập trung bán một số mặt hàng, sản phẩm đồ chơi của một thương hiệu hay một lĩnh vực

Với số lượng mặt hàng phong phú, đa dạng về thể loại và giá bán, việc quản lý một cửa hàng đồ chơi cho bé không phải là một cách dễ dàng, thậm chí không có cách thức quản lý phù hợp sẽ gây ra nhầm lẫn và thất thoát hàng hóa không đáng có. Do vậy để có được sự quản lý chắc chắn hàng hóa và danh thu để đem lại sự phục vụ khách hàng tốt nhất có thể, phần mềm quản lý đồ chơi tích hợp các chức năng riêng cho án hàng đồ chơi và được sự ủng hộ của các cửa hàng bán đồ chơi trẻ em đưa vào sử dụng một cách hiệu quả.

Mục lục

1. Giới thiệu về hệ thống	8
1.1 Tổng quan.....	8
1.2. các chức năng của phần mềm	8
1.2.1 Đăng nhập	8
1.2.2 Quản lý tài khoản	8
1.2.3 Quản lý loại tài khoản.....	8
1.2.4 Quản lý khách hàng.....	9
1.2.5 Quản lý nhà sản xuất.....	9
1.2.6 Quản lý sản phẩm	9
1.2.7 Quản lý loại sản phẩm.....	9
1.2.8 Quản lý hóa đơn nhập.....	9
1.2.9 Quản lý hóa đơn bán	9
1.3.chi tiết chức năng của phần mềm.....	9
2.Cơ sở dữ liệu	11
2.1 Mô hình Diagram	11
Hình 2.1: Cơ sở dữ liệu	11
2.2 Mô tả.....	12
2.2.1 bảng Tài khoản	14
2.2.2 bảng Tài khoản	14
2.2.3 bảng Nhà sản xuất.....	14
2.2.4 bảng Sản phẩm	15
2.2.5 bảng loại Sản phẩm	15
2.2.6 bảng khách hàng	16
2.2.7 bảng hóa đơn nhập	16
2.2.8 bảng chi tiết hóa đơn nhập	16
2.2.9 bảng hóa đơn bán.....	17
2.2.10 bảng chi tiết hóa đơn bán	17
3. Sơ đồ luồng dữ liệu.....	18
3.1 Sơ đồ quản lý tài khoản.....	18
3.1.1 Thêm tài khoản	18
Hình 3.1.1: Sơ đồ thêm tài khoản	18
3.1.2 Cập nhật tài khoản.....	19
Hình 3.1.2: Sơ đồ cập nhật tài khoản	19
3.1.3 Tra cứu tài khoản.....	20
Hình 3.1.3: Sơ đồ tra cứu tài khoản.....	20
3.2 Sơ đồ quản lý loại tài khoản.....	21
3.2.1 Thêm loại tài khoản	21
Hình 3.2.1: Sơ đồ thêm loại tài khoản	21
3.2.2 Cập nhật loại tài khoản.....	22

Hình 3.2.2: Sơ đồ cập nhật loại tài khoản	22
3.3 Sơ đồ quản lý sản phẩm.....	23
3.3.1 Thêm sản phẩm	23
Hình 3.3.1: Sơ đồ thêm sản phẩm	23
3.3.2 Cập nhật sản phẩm.....	24
Hình 3.2.2: Sơ đồ cập nhật sản phẩm	24
3.3.3 Tra cứu sản phẩm.....	25
Hình 3.3.3: Sơ đồ tra cứu sản phẩm.....	25
3.4 Sơ đồ quản lý loại sản phẩm.....	26
3.4.1 Thêm loại sản phẩm	26
Hình 3.4.1: Sơ đồ thêm loại sản phẩm	26
3.4.2 Cập nhật loại sản phẩm.....	27
Hình 3.4.2: Sơ đồ cập nhật loại sản phẩm	27
3.5 Sơ đồ quản lý khách hàng.....	28
3.5.1 Thêm khách hàng	28
Hình 3.5.1: Sơ đồ thêm khách hàng	28
3.5.2 Cập nhật khách hàng.....	29
Hình 3.5.2 Sơ đồ cập nhật khách hàng	29
3.5.3 Tra cứu khách hàng.....	30
Hình 3.5.3: Sơ đồ tra cứu khách hàng	30
3.6 Sơ đồ quản lý nhà sản xuất.....	31
3.6.1 Thêm nhà sản xuất	31
Hình 3.6.1: Sơ đồ thêm nhà sản xuất	31
3.6.2 Cập nhật nhà sản xuất.....	32
Hình 3.6.2: Sơ đồ cập nhật nhà sản xuất	32
3.6.3 Tra cứu nhà sản xuất.....	33
Hình 3.6.3: Sơ đồ tra cứu nhà sản xuất	33
3.7 Sơ đồ quản hóa đơn bán.....	34
3.7.1 Xem hóa đơn bán.....	34
Hình 3.7.1: Sơ đồ xem hóa đơn bán.....	34
3.7.2 Cập nhật hóa đơn bán.....	35
Hình 3.7.2: Sơ đồ cập nhật hóa đơn bán	35
3.7.3 Tra cứu hóa đơn bán.....	36
Hình 3.7.3: Sơ đồ tra cứu hóa đơn bán.....	36
3.8 Sơ đồ quản lý hóa đơn nhập.....	37
3.8.1 Xem hóa đơn nhập	37
Hình 3.8.1 sơ đồ xem thông tin hóa đơn nhập	37
3.8.2 Cập nhật hóa đơn nhập.....	38
Hình 3.8.2 sơ đồ cập nhật hóa đơn nhập.....	38
3.8.3 Tra cứu hóa đơn nhập.....	39
Hình 3.8.3 sơ đồ tra cứu thông tin hóa đơn nhập	39
3.9 Sơ đồ nghiệp vụ bán hàng	40
3.9.1 Lưu hóa đơn bán	40

Hình 3.9.1: Sơ đồ lưu hóa đơn bán	40
3.10 Sơ đồ nghiệp vụ nhập hàng	41
3.10.1 Lưu hóa đơn nhập	41
Hình 3.10.1: Sơ đồ lưu hóa đơn nhập	41
4 Giao diện	43
4.1 Hệ thống.....	43
4.1.1 Đăng nhập	43
Hình 4.1.1: Giao diện Đăng nhập	43
4.1.2 Tổng quan	44
Hình 4.1.2: Giao diện Tổng Quan khi nhấn vào quản lý.....	44
4.1.3 Người dùng	46
4.1.4 Đổi mật khẩu	47
4.2 Quản Lý.....	48
4.2.1 Tài khoản.....	48
Hình 4.2.1: Giao diện Tài khoản.....	48
Hình 4.2.2: Giao diện Loại tài khoản.....	49
4.2.2 Sản phẩm.....	51
Hình 4.2.3: Giao diện Sản phẩm.....	51
Hình 4.2.4:Giao diện Loại sản phẩm	52
4.2.3 Khách hàng	53
Hình 4.2.5: Giao diện khách hàng.....	53
4.2.4 Nhà sản xuất	54
Hình 4.2.6: Giao diện nhà sản xuất.....	54
4.2.5 Hóa đơn	55
Hình 4.2.7: Giao diện hóa đơn bán	55
Hình 4.2.8: Giao diện hóa đơn nhập.....	56
4.3 Nghiệp vụ.....	58
4.3.1 Bán hàng	58
Hình 4.3.1 : Giao diện bán hàng.....	58
4.3.3 Nhập hàng	61
Hình 4.3.3: Giao diện nhập hàng	61
4.4 Thông báo.....	65
4.4.1 Cập nhật thành công	65
Hình 4.4.1: cập nhật thành công.....	65
4.4.2 BẠN CÓ CHẮC MUỐN XÓA.....	65
Hình 4.4.2: bạn có chắc muốn xóa	65
4.4.3 Nhập đầy đủ thông tin	66
Hình 4.4.3: Nhập đầy đủ thông tin	66
4.4.4 Thêm thành công.....	66
Hình 4.4.4: Thêm thành công	66
4.4.5 Xóa thành công.....	66
Hình 4.4.5: Xóa thành công.....	66
4.4.6 Vui lòng chọn sản phẩm.....	67

Hình 4.4.6: Vui lòng chọn sản phẩm.....	67
4.4.7 Chưa nhập khách hàng hoặc tiền thanh toán.....	67
Hình 4.4.7: Chưa nhập khách hàng hoặc tiền thanh toán.....	67
4.4.8 Bạn có chắc thanh toán.....	67
Hình 4.4.8: Bạn có chắc muốn thanh toán	67
4.4.9 Không có sản phẩm.....	68
Hình 4.4.9: Không có sản phẩm.....	68
4.4.10 Khách hàng nhập thiếu tiền	68
Hình 4.4.10: Khách hàng nhập thiếu tiền	68
4.4.11 Thanh toán thành công	68
Hình 4.4.11: Thanh toán thành công	68
4.4.12 Hủy khi đăng xuất.....	69
Hình 4.4.12: Hủy khi đăng xuất.....	69
4.4.13 Đăng nhập thất bại.....	69
Hình 4.4.13: Đăng nhập thất bại.....	69
4.4.14 Mật khẩu không để trống	69
Hình 4.4.14: Mật khẩu không để trống	69
4.4.15 Mật khẩu cũ không đúng.....	70
Hình 4.4.15: Mật khẩu cũ không đúng.....	70
4.4.16 Mật khẩu không trùng nhau	70
Hình 4.4.16: Mật khẩu không trùng nhau	70
4.4.17 Đổi mật khẩu thành công	70
Hình 4.4.17: Đổi mật khẩu thành công	70

1. Giới thiệu về hệ thống

1.1 Tổng quan

- Ngày nay, công nghệ thông tin ngày càng phát triển thì nhu cầu cuộc sống cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc của con người được phát triển mạnh mẽ và ngày càng đa dạng hơn, đặc biệt vấn đề quản lý đang được mọi người quan tâm và phát triển. nhiều công nghệ mới được áp dụng hàng ngày, cũng như đưa phần mềm vào quản lý ngày càng quen thuộc và phổ biến hơn với người sử dụng, hoạt động kinh doanh đồ chơi ngày càng phổ biến theo hướng bán lẻ của các doanh nghiệp.
- Đa số các cửa hàng kinh doanh bán đồ chơi đều không sử dụng phần mềm để quản lý mà thực hiện thủ công là chính bằng việc ghi chép sổ sách, nhằm giảm thao tác thủ công mang lại tính chính xác và hiệu quả cao trong công việc cũng như quản lý hoạt động kinh doanh.

1.2. các chức năng của phần mềm

1.2.1 Đăng nhập

- Để vào được phần mềm quản lý của hàng đồ chơi của cửa hàng, cần có một tài khoản để quản lý cũng như thực hiện các chức năng của hệ thống. tùy thuộc quyền của mỗi nhân viên mà có thể thao tác trên các chức năng khác nhau. Hệ thống kiểm tra chính xác tài khoản mà nhân viên dùng để đăng nhập vào hệ thống.

1.2.2 Quản lý tài khoản

- Mỗi nhân viên đều có một tài khoản để đăng nhập vào hệ thống, admin là người cung cấp tài khoản cho nhân viên, tài khoản của nhân viên thao tác được một số chức năng liên quan đến việc hoạt động bán nhập hàng của cửa hàng.

1.2.3 Quản lý loại tài khoản

- Admin sẽ quản lý tất cả các tài khoản có trong hệ thống bao gồm các tài khoản cá nhân và các tài khoản của nhân viên khác. Tài khoản của admin có toàn quyền sử dụng các chức năng của hệ thống. đồng thời có thể tạo một tài khoản mới hoặc xem thông tin của một tài khoản bất kỳ và có thể thêm mới một tài khoản.

1.2.4 Quản lý khách hàng

- Khi khách hàng đến mua hàng, khi thanh toán thì nhân viên sẽ xin thông tin khách hàng để có thể xin ý kiến hoặc thông báo các chương trình khuyến mãi của cửa hàng.

1.2.5 Quản lý nhà sản xuất

- Khi giao dịch với cửa hàng thì thông tin nhập hàng xuất đều được lưu lại để có thể giao dịch cho các lần tiếp theo.

1.2.6 Quản lý sản phẩm

- Quản lý các sản phẩm nhập xuất kho và các sản phẩm bán được trong ngày hôm đó. Đó ra bao nhiêu sản phẩm, số lượng được cập nhật lại khi kết thúc ngày hôm đó

1.2.7 Quản lý loại sản phẩm

- Mỗi sản phẩm đều thuộc một loại sản phẩm riêng để dễ dàng kiểm tra quản lý loại sản phẩm đó còn hàng hay không.

1.2.8 Quản lý hóa đơn nhập

- Các thông tin nhập hàng đều được lưu lại để đối chiếu và thông kê lại tất cả các sản phẩm trong tháng xem đúng hay không.

1.2.9 Quản lý hóa đơn bán

- Các thông tin của hóa đơn xuất đều được lưu lại để biết trong ngày hoặc trong tháng đó có bao nhiêu sản phẩm được bán.

1.3.chi tiết chức năng của phần mềm

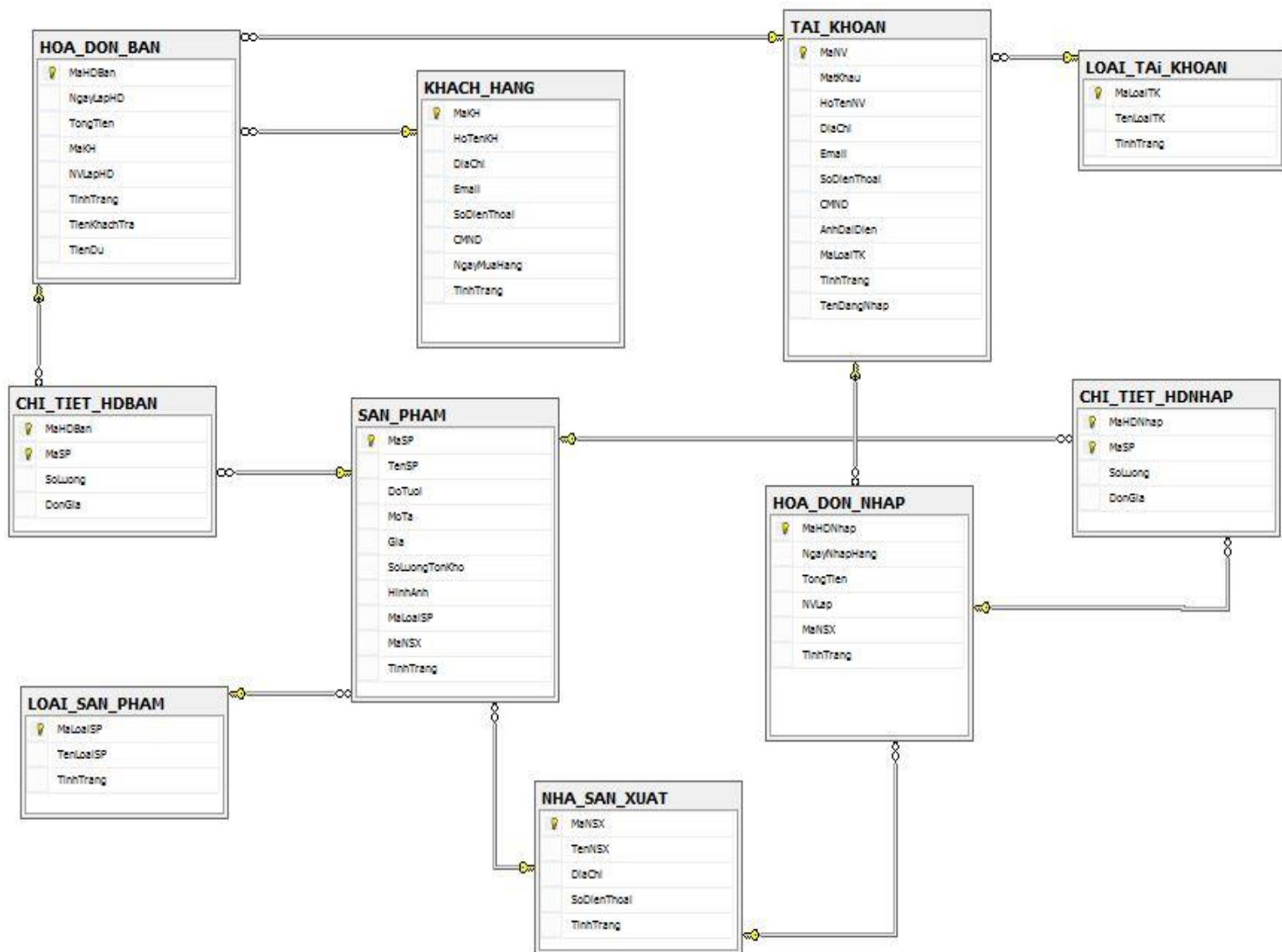
- Khi làm việc tại cửa hàng mỗi nhân viên sẽ có một tài khoản để đăng nhập vào hệ thống. thông tin tài khoản gồm: mã nhân viên, họ tên nhân viên, mật khẩu, địa chỉ, email, số điện thoại, CMND, ảnh đại diện, tên đăng nhập, tình trạng. Tài khoản được chia làm 2 loại tài khoản: tài khoản nhân viên và tài khoản admin. Thông tin tài khoản bao gồm: mã loại tài khoản, tên loại tài khoản, tình trạng loại tài khoản đó. Một loại tài khoản bao gồm nhiều tài khoản nhưng một tài khoản chỉ thuộc về một loại tài khoản duy nhất.
- Để quản lý thông tin khách hàng, được lưu với những thông tin sau: mã khách hàng, họ tên khách hàng, địa chỉ, email, số điện thoại, CMND, ngày mua hàng, tình trạng của thông tin khách hàng đó. Hóa đơn bán ra được lưu với những thông tin gồm: mã hóa đơn bán, ngày lập hóa đơn, tổng tiền, tình trạng lập hóa đơn. Một khách hàng lập được nhiều hóa đơn nhưng một hóa đơn chỉ lập cho một khách hàng duy nhất. một tài khoản nhân viên có thể lập được nhiều hóa đơn bán nhưng một hóa đơn bán chỉ có duy nhất một tài khoản của nhân viên.

- Khi nhập sản phẩm về sẽ có thông tin nhà sản xuất của sản phẩm đó, thông tin nhà sản xuất gồm: mã nhà sản xuất, tên nhà sản xuất, địa chỉ, số điện thoại, tình trạng thông tin nhà sản xuất. Hóa đơn nhập vào sẽ được lưu với những thông tin gồm: mã hóa đơn nhập ngày nhập hàng, tổng tiền, nhân viên kiểm tra nhập hàng, tình trạng. Một nhà sản xuất có thể lập nhiều hóa đơn nhưng một hóa đơn chỉ thuộc về duy nhất một nhà sản xuất. Một tài khoản nhân viên có thể lập nhiều hóa đơn nhập nhưng một hóa đơn nhập chỉ có duy nhất một tài khoản nhân viên kiểm kê.
- Thông tin sản phẩm bao gồm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, độ tuổi, mô tả, giá tiền, số lượng tồn kho, hình ảnh, tình trạng của sản phẩm đó. Một nhà sản xuất bao gồm nhiều sản phẩm khác nhau nhưng một sản phẩm chỉ thuộc về duy nhất một nhà sản xuất. Thông tin của loại sản phẩm bao gồm: mã loại sản phẩm, tên loại sản phẩm, tình trạng thông tin sản phẩm đó. Một loại sản phẩm bao gồm nhiều loại sản phẩm nhưng một sản phẩm chỉ thuộc về một loại sản phẩm duy nhất.
- Quy trình mua hàng như sau: khi đến mua hàng khách hàng có thể lựa chọn nhiều sản phẩm được sắp xếp theo từng lứa tuổi giúp cho khách hàng dễ tìm kiếm và nhận biết, sau khi khách hàng chọn được sản phẩm nhân viên sẽ hướng dẫn khách hàng đến quầy khu ngân để thanh toán tiền, nhân viên sẽ lọc ra sản phẩm theo loại như: mã loại, tên loại để có thể tìm kiếm nhanh sản phẩm mà khách hàng mua. Nhân viên sẽ lấy thông tin khách hàng để lưu vào cơ sở dữ liệu để sau này có chương trình khuyến mãi khi khách hàng đó đến mua sản phẩm sẽ còn thông tin và khi đó áp dụng khuyến mãi cho những khách hàng tới mua nhiều lần. Nhân viên sẽ nhập mã và số lượng sản phẩm bán tính ra tổng tiền và sau đó khách hàng sẽ trả đúng số tiền hoặc hơn, nhân viên sẽ nhập số tiền khách trả vào hệ thống, hệ thống sẽ tự động tính ra số tiền dư phải trả lại cho khách và nhân viên bấm nút thanh toán để in hóa đơn và trả lại cho khách hàng.
- Quy trình nhập hàng như sau: khi một đơn hàng được giao tới từ một nhà sản xuất nào đó thì nhân viên đang có mặt trực tiếp tại cửa hàng sẽ chịu trách nhiệm nhập kho hàng. Nhân viên sẽ kiểm tra số lượng đơn hàng có trùng khớp với hóa đơn hay không, sau đó sẽ nhập đầy đủ thông tin số lượng mà trên hóa đơn đã ghi vào hệ thống. Nếu sản phẩm của nhà sản xuất đó chưa có trong hệ thống thì nhân viên sẽ thêm sản phẩm mới đó

vào hệ thống hoặc sản phẩm đó đã có sẵn trong hệ thống thì nhân viên chỉ việc cập nhật lại số lượng của sản phẩm đó, và nếu là nhà sản xuất mới hợp tác thì nhân viên thêm nhà sản xuất mới vào hệ thống để sau này tiện trao đổi và liên lạc và nhân viên bắt đầu nhập hàng. Với mỗi sản phẩm mới được nhập vào sẽ được cập nhật vào hệ thống.

2. Cơ sở dữ liệu

2.1 Mô hình Diagram



Hình 2.1: Cơ sở dữ liệu

2.2 Mô tả

- ✓ Tài khoản nhân viên(TAI_KHOAN) gồm có các thuộc tính sau:
 - MaNV: mỗi nhân viên đều có một mã khi làm việc
 - MatKhau: mật khẩu để nhân viên đăng nhập vào hệ thống
 - HoTenNV: họ và tên nhân viên đang làm việc
 - DiaChi: địa chỉ của nhân viên đang làm việc
 - Email: email của nhân viên đang làm việc
 - SoDienThoai: số điện thoại của nhân viên đang làm việc
 - CMND: số chứng minh nhân dân của nhân viên
 - AnhDaiDien: ảnh đại diện của nhân viên đó
 - MaLoaiTK: mã loại tài khoản để biết nhân viên đó thuộc cấp bậc nào
 - TenDangNhap: tên đăng nhập trong hệ thống của nhân viên đó
 - TinhTrang: trạng thái nhân viên đó còn làm việc hay đã nghỉ (0:đã nghỉ, 1:còn làm)
- + Khóa ngoại: MaLoaiTK tham chiếu đến bảng LOAI_TAI_KHOAN
- ✓ Loại tài khoản (LOAI_TAI_KHOAN) gồm các thuộc tính sau:
 - MaLoaiTK: hoản để phân chia cấp bậc cho nhân viên
 - TenLoaiTK: tên của loại tài khoản đó
 - TinhTrang: trạng thái loại tài khoản đó còn tồn tại hay không (0: false, 1:true)
- ✓ Khách hàng(KHACH_HANG) gồm có những thuộc tính sau:
 - MaKH: mỗi khách hàng đều có một mã riêng biệt
 - TenKH: họ tên của khách hàng
 - DiaChi: địa chỉ của khách hàng
 - Email: email của khách hàng
 - SoDienThoai: số điện thoại của khách hàng
 - CMND: số chứng minh nhân dân của khách hàng
 - NgayMuaHang: thời điểm hiện tại mà khách hàng đến mua hàng
 - TinhTrang: trạng thái của khách hàng đó (0:false , 1:true)
- ✓ Hóa đơn bán(HOA_DON_BAN) gồm có các thuộc tính sau:
 - MaHDB: mỗi hóa đơn bán đều có một mã riêng biệt
 - NgayLapHD: thời gian lập hóa đơn
 - TongTien: tổng tiền mua:
 - MaKH: mã của khách hàng tới mua hàng
 - MaNVLap: mã của nhân viên lập hóa đơn đó

- TienKhachTra: số tiền mà khách trả để mua sản phẩm
- TienDu: số tiền còn dư lại sau khi thanh toán
- TinhTrang: tình trạng của hóa đơn (0:false, 1:true)
- + Khóa ngoại: MaKH tham chiếu đến bảng KHACH_HANG
- ✓ Nhà sản xuất(NHA_SAN_XUAT) gồm có các thuộc tính sau:
 - MaNSX: mỗi nhà sản xuất đều có một mã riêng
 - TenNSX: tên của nhà sản xuất đó
 - DiaChi: địa chỉ của nhà sản xuất
 - SoDienThoai: số điện thoại liên lạc của nhà sản xuất
 - TinhTrang: trạng thái của nhà sản xuất còn hoạt động hay không (0:false, 1:true)
- ✓ Hóa đơn nhập(HOA_DON_NHAP) gồm có các thuộc tính sau:
 - MaHDN: mã để phân biệt trong mỗi hóa đơn nhập
 - NgayNhapHang: thời gian nhập hàng
 - TongTien: tổng số tiền nhập đơn hàng đó
 - NVLap: nhân viên kiểm kê đơn hàng đó
 - MaNSX: mã nhà sản xuất nhập đơn hàng đó
 - TinhTrang: trạng thái của nhà sản xuất đó còn hoạt động hay không (0:false, 1:true)
 - + Khóa ngoại: MaNSX tham chiếu đến NHA_SAN_XUAT
- ✓ Sản phẩm(SAN_PHAM) gồm có các thuộc tính sau:
 - MaSP: mã để phân biệt từng sản phẩm
 - TenSP: tên của sản phẩm đó
 - DoTuoi: độ tuổi khuyến khích để sử dụng sản phẩm đó
 - MoTa: mô tả thông tin của sản phẩm đó
 - Gia: giá bán của sản phẩm đó
 - SoLuongTonKho: số lượng sản phẩm còn để bán
 - HinhAnh: hình đại diện liên quan đến sản phẩm đó
 - MaLoaiSP: mã loại sản phẩm để biết sản phẩm đó thuộc loại nào
 - MaNSX: mã của nhà sản xuất cung cấp sản phẩm đó
 - TinhTrang(int): tình trạng của sản phẩm đó còn hay hết (0:false, 1:true)
 - + Khóa ngoại: MaLoaiSP tham chiếu đến bảng LOAI_SAN_PHAM
 - + Khóa ngoại: MaNSX tham chiếu đến bảng NHA_SAN_XUAT
- ✓ Loại sản phẩm(LOAI_SAN_PHAM) gồm có các thông tin sau:
 - MaLoaiSP: mỗi loại đều có một mã riêng
 - TenLoaiSP: tên của loại sản phẩm đó
 - TinhTrang: trạng thái của loại sản phẩm đó còn tồn tại hay không (0:false, 1:true)

2.2.1 bảng Tài khoản

STT	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1.	MaNV	Varchar(10)	Mã nhân viên	Khóa chính
2.	MatKhau	Varchar(15)	Mật khẩu	
3.	HoTenNV	Nvarchar(50)	Họ tên nhân viên	
4.	DiaChi	Nvarchar(Max)	Địa chỉ	
5.	Email	Nchar(50)	Email	
6.	SoDienThoai	int	Số điện thoại	
7.	CMND	Char(11)	Chứng minh nhân dân	
8.	AnhDaiDien	Varchar(50)	Ảnh đại diện	
9.	MaLoaiTK	Varchar(10)	Mã loại tài khoản	Khóa ngoại
10.	TinhTrang	int	Tình trạng	
11.	TenDangNhap	Nchar(50)	Tên đăng nhập	

2.2.2 bảng Tài khoản

STT	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1.	MaLoaiTK	Varchar(10)	Mã loại tài khoản	Khóa chính
2.	TenLoaiTK	Nvarchar(50)	Tên loại tài khoản	
3.	TinhTrang	int	Tình trạng	

2.2.3 bảng Nhà sản xuất

STT	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1.	MaNSX	Varchar(10)	Mã nhà sản xuất	Khóa chính
2.	TenNSX	Nvarchar(50)	Tên nhà sản xuất	
3.	DiaChi	Nvarchar(Max)	Địa chỉ	
4.	SoDienThoai	Nvarchar(Max)	Số điện thoại	
5.	TinhTrang	int	Tình trạng	

2.2.4 bảng Sản phẩm

STT	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1.	MaSP	Varchar(10)	Mã sản phẩm	Khóa chính
2.	TenSP	Nvarchar(50)	Tên sản phẩm	
3.	DoTuoi	Nvarchar(15)	Độ tuổi	
4.	MoTa	Nvarchar(Max)	Mô tả	
5.	Gia	int	Giá	
6.	SoLuongTonKho	int	Số lượng tồn kho	
7.	HinhAnh	Nvarchar(50)	Hình ảnh	
8.	MaLoaiSP	Varchar(10)	Mã loại sản phẩm	Khóa ngoại
9.	MaNSX	Varchar(10)	Mã nhà sản xuất	Khóa ngoại
10.	TinhTrang	int	Tình trạng	

2.2.5 bảng loại Sản phẩm

STT	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1.	MaLoaiSP	Varchar(10)	Mã loại sản phẩm	Khóa chính
2.	TenLoaiSP	Nvarchar(50)	Tên loại sản phẩm	
3.	TinhTrang	int	Tình trạng	

2.2.6 bảng khách hàng

STT	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1.	MaKH	Varchar(10)	Mã khách hàng	Khóa chính
2.	TenKH	Nvarchar(50)	Tên khách hàng	
3.	DiaChi	Nvarchar(Max)	Địa chỉ	
4.	Email	Nchar(50)	Email	
5.	SoDienThoai	int	Số điện thoại	
6.	CMND	Char(11)	Chứng minh nhân dân	
7.	NgayMuaHang	date	Ngày mua hàng	
8.	TinhTrang	int	Tình trạng	

2.2.7 bảng hóa đơn nhập

STT	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1.	MaHDNhap	Varchar(10)	Mã hóa đơn nhập	Khóa chính
2.	NgayNhapHang	date	Ngày nhập hàng	
3.	TongTien	int	Tổng tiền	
4.	NVLap	Varchar(10)	Nhân viên lập	Khóa ngoại
5.	MaNSX	Varchar(10)	Mã nhà sản xuất	Khóa ngoại
6.	TinhTrang	int	Tình trạng	

2.2.8 bảng chi tiết hóa đơn nhập

STT	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1.	MaHDNhap	Varchar(10)	Mã hóa đơn nhập	Khóa chính
2.	MaSP	Varchar(10)	Mã sản phẩm	Khóa ngoại
3.	SoLuong	int	Số lượng	
4.	DonGia	decimal(18, 0)	Đơn giá	

2.2.9 bảng hóa đơn bán

STT	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1.	MaHDBan	Varchar(10)	Mã hóa đơn bán	Khóa chính
2.	NgayLapHD	date	Ngày lập hóa đơn	
3.	TongTien	int	Tổng tiền	
4.	MaKH	Varchar(10)	Mã khách hàng	Khóa ngoại
5.	NVLapHD	Varchar(10)	Nhân viên lập hóa đơn	Khóa ngoại
6.	TienKhachTra	int	Tiền khách trả	
7.	TienDu	int	Tiền dư	
8.	TinhTrang	int	Tình trạng	

2.2.10 bảng chi tiết hóa đơn bán

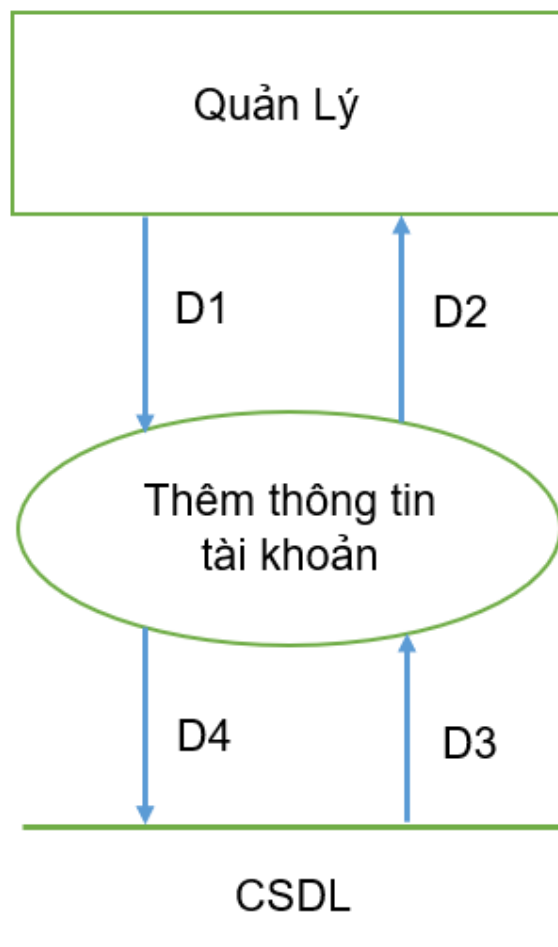
STT	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1.	MaHDBan	Varchar(10)	Mã hóa đơn nhập	Khóa chính
2.	MaSP	Varchar(10)	Mã sản phẩm	Khóa ngoại
3.	SoLuong	int	Số lượng	
4.	DonGia	decimal(18, 0)	Đơn giá	

3. Sơ đồ luồng dữ liệu

3.1 Sơ đồ quản lý tài khoản

3.1.1 Thêm tài khoản

a) Sơ đồ



Hình 3.1.1: Sơ đồ thêm tài khoản

b) Giải thích

- D1:
 - Dữ liệu nhập: Tên đăng nhập, mật khẩu, địa chỉ, chứng minh nhân dân, họ tên, số điện thoại, email.
 - Dữ liệu chọn: Chức vụ, tình trạng.
 - Dữ liệu tự phát sinh: Mã tài khoản.

- $D2 = D1$
- $D3$: Danh sách loại tài khoản, danh sách tài khoản.
- $D4 = D1$

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị danh sách loại tài khoản $D3$

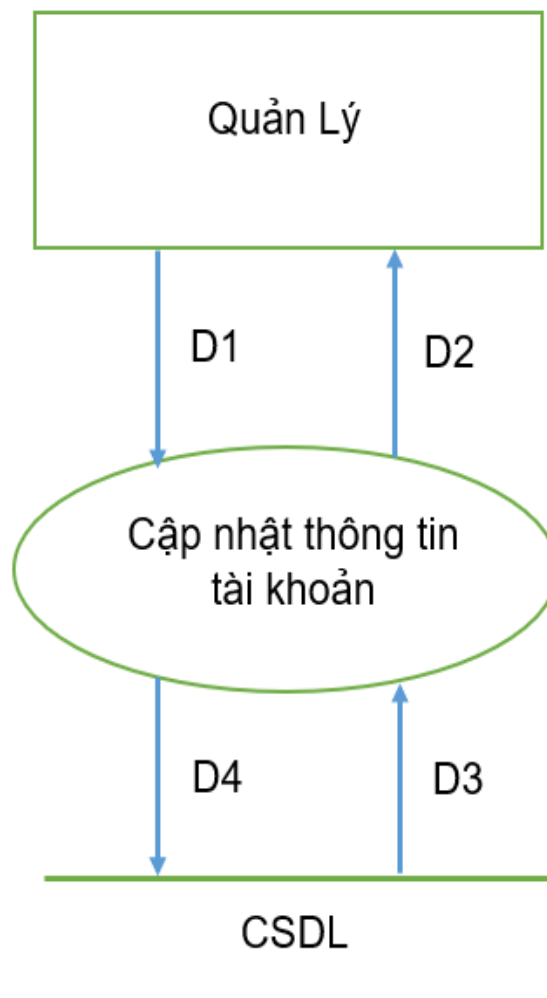
Bước 2: Phát sinh mã, nhập thông tin tài khoản $D1$

Bước 3: Lưu vào cơ sở dữ liệu $D4$

Bước 4: Hiển thị danh sách tài khoản $D2$

3.1.2 Cập nhật tài khoản

a) Sơ đồ



Hình 3.1.2: Sơ đồ cập nhật tài khoản

b) Giải thích

- D1:
 - Dữ liệu nhập: Tên đăng nhập, mật khẩu, địa chỉ, chứng minh nhân dân, họ tên, số điện thoại, email.
 - Dữ liệu chọn: Chức vụ, tình trạng.
- D2 = D1
- D3 : Danh sách loại tài khoản, danh sách tài khoản.
- D4 = D1

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị danh sách tài khoản D2

Bước 2: Chọn 1 tài khoản để cập nhật

Bước 3: Nếu tài khoản là Quản lý thì tình trạng và loại tài khoản không được sửa, ngược lại

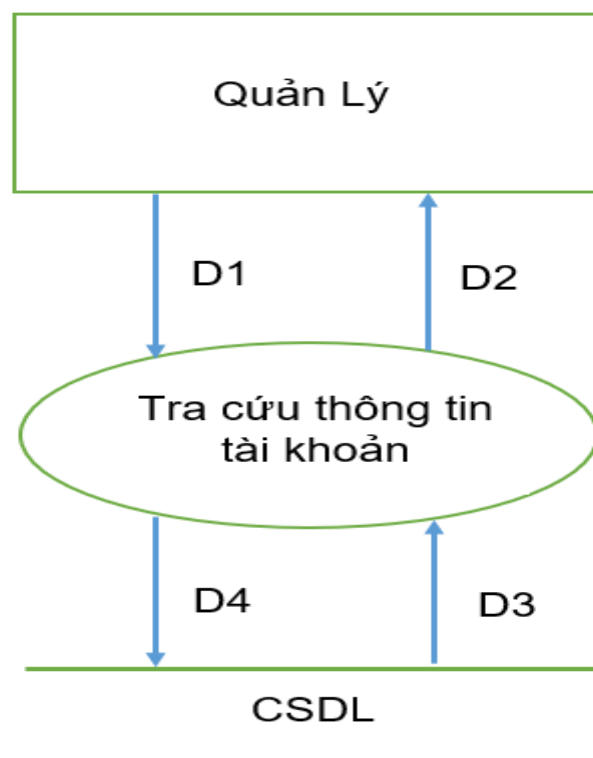
Bước 4: Nhập vào thông tin cần cập nhật

Bước 5: Lưu vào cơ sở dữ liệu D4

Bước 6: Hiển thị D2

3.1.3 Tra cứu tài khoản

a) Sơ đồ



Hình 3.1.3: Sơ đồ tra cứu tài khoản

b) Giải thích

- D1:
 - Dữ liệu nhập: Tên tài khoản, mã tài khoản
 - Dữ liệu chọn: Tài khoản đã xóa
- D2=D1
- D3: Danh sách loại tài khoản, danh sách tài khoản

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị danh sách tài khoản D3

Bước 2: Nhập mã hoặc tên tài khoản D1

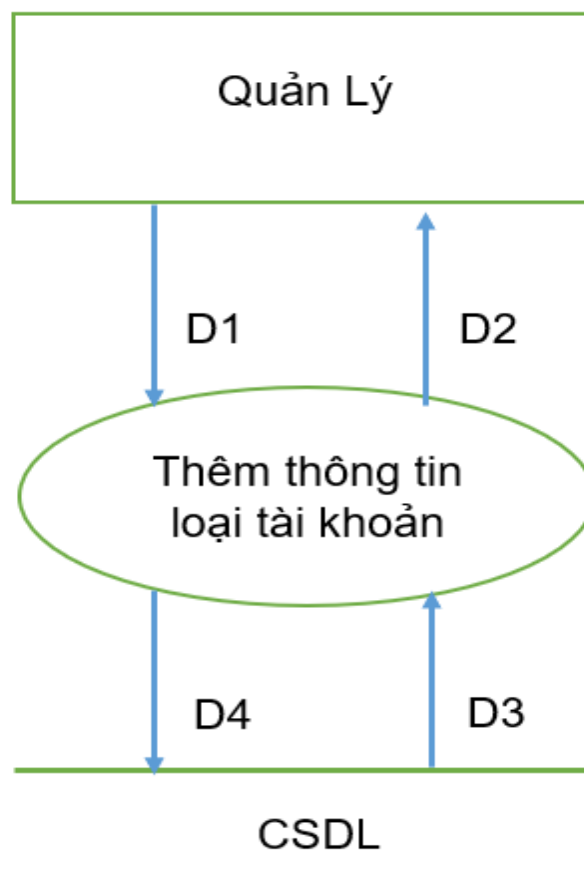
Bước 3: Hiển thị danh sách tài khoản phù hợp D3

Bước 4: Hiển thị D2

3.2 Sơ đồ quản lý loại tài khoản

3.2.1 Thêm loại tài khoản

a) Sơ đồ



Hình 3.2.1: Sơ đồ thêm loại tài khoản

b) Giải thích

- D1:
 - Dữ liệu nhập: Tên loại tài khoản
 - Dữ liệu chọn: Tình trạng
- Dữ liệu tự phát sinh: Mã loại tài khoản
- $D2 = D1$
- D3: Danh sách loại tài khoản
- $D4 = D1$

c) Thuật toán

Bước 1: Hiện thị danh sách loại tài khoản D3

Bước 2: Làm mới để phát sinh mã mới

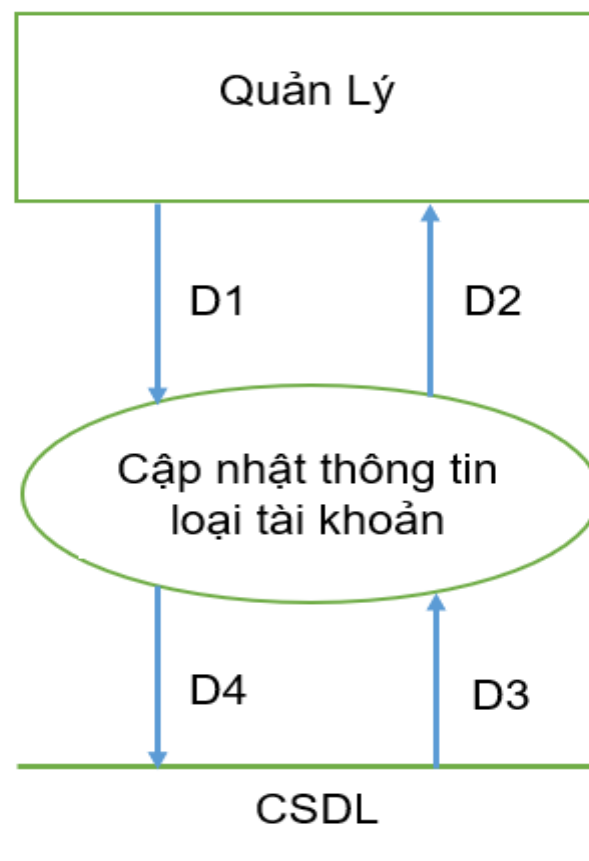
Bước 3: Nhập thông tin D1

Bước 4: Lưu vào cơ sở dữ liệu D4

Bước 5: Hiện thị D2

3.2.2 Cập nhật loại tài khoản

a) Sơ đồ



Hình 3.2.2: Sơ đồ cập nhật loại tài khoản

b) Giải thích

- D1:
 - Dữ liệu nhập: Tên loại tài khoản
 - Dữ liệu chọn: Tình trạng
- D2 = D1
- D3: Danh sách loại tài khoản
- D4 = D1

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị danh sách loại tài khoản D3

Bước 2: Nhập thông tin cần cập nhật D1

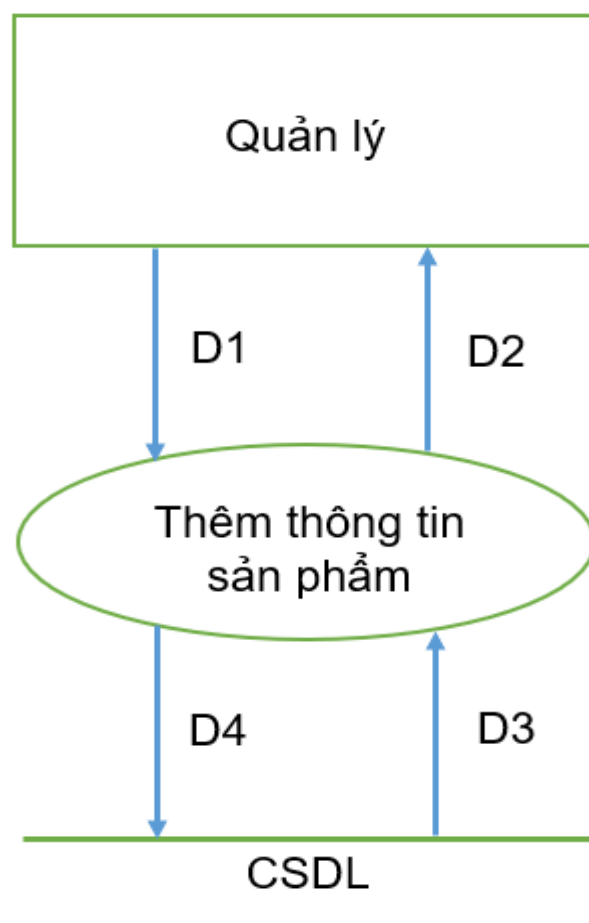
Bước 3: Lưu vào cơ sở dữ liệu D4

Bước 4: Hiển thị D2

3.3 Sơ đồ quản lý sản phẩm

3.3.1 Thêm sản phẩm

a) Sơ đồ



Hình 3.3.1: Sơ đồ thêm sản phẩm

b) Giải thích

- D1 :
 - Dữ liệu nhập : Tên sản phẩm , Độ tuổi , Mô tả , Giá , Số lượng
 - Dữ liệu chọn : Nhà sản xuất , Loại SP , Còn bán
 - Dữ liệu phát sinh tự động : Mã SP
- D2 = D1
- D3 : Danh sách nhà sản xuất , danh sách loại sản phẩm , danh sách sản phẩm
- D4 = D1

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị danh sách D3

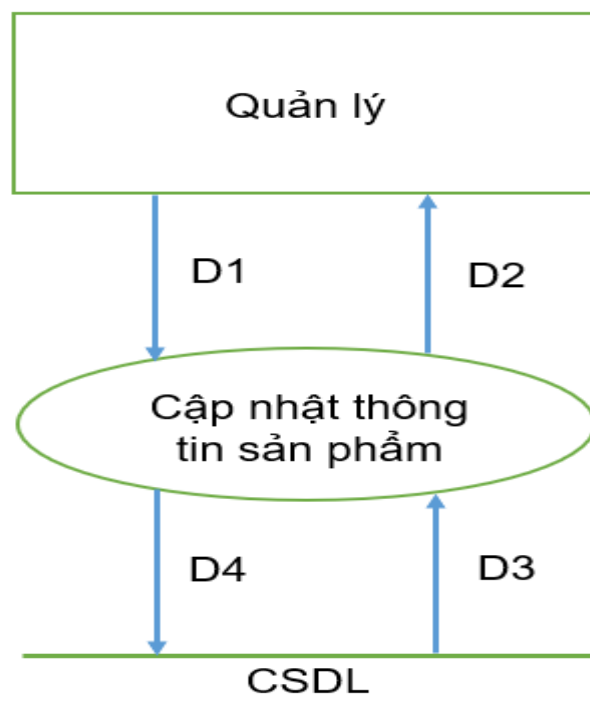
Bước 2: Nhập thông tin D1

Bước 3: Lưu D1 vào cơ sở dữ liệu bằng cách nhấn nút thêm trên giao diện

Bước 4: Hiển thị thông tin D2

3.3.2 Cập nhật sản phẩm

a) Sơ đồ



Hình 3.2.2: Sơ đồ cập nhật sản phẩm

b) Giải thích

- D1 :
 - Dữ liệu nhập : Tên sản phẩm , Độ tuổi , Mô tả , Giá , Số lượng
 - Dữ liệu chọn : Nhà sản xuất , Loại SP , Còn bán
- D2 = D1
- D3 : Danh sách Nhà sản xuất , danh sách Loại sản phẩm , danh sách Sản phẩm .
- D4 = D1

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị danh sách D3

Bước 2: Chọn 1 sản phẩm cần cập nhật trong danh sách Sản phẩm D3

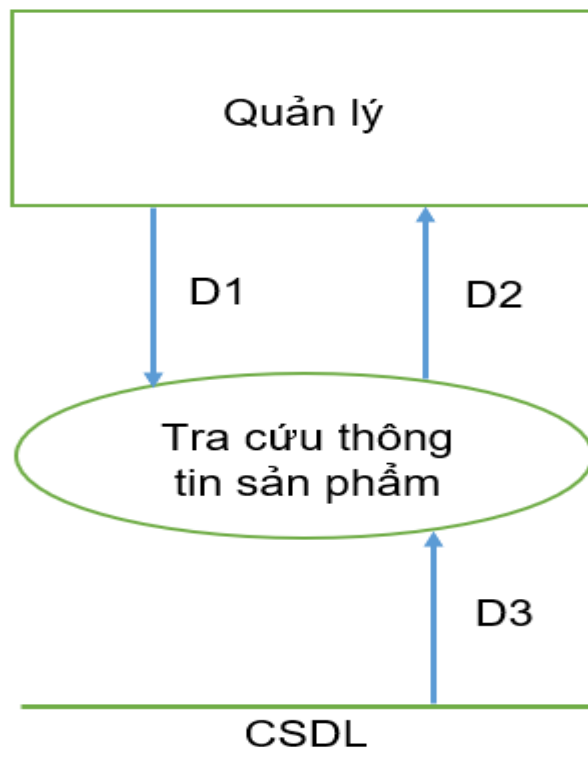
Bước 3: Nhập thông tin D1 cần cập nhật

Bước 4: Lưu vào cơ sở dữ liệu D4

Bước 5: Hiển thị thông tin D2

3.3.3 Tra cứu sản phẩm

a) Sơ đồ



Hình 3.3.3: Sơ đồ tra cứu sản phẩm

b) Giải thích

- D1 :
 - Dữ liệu nhập : Tên SP ,Giá từ ,Giá đến
 - Dữ liệu chọn : Sản phẩm đã xóa
- D2 = D1
- D3 : Danh sách Sản phẩm

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị danh sách D3

Bước 2: Một hay nhiều tiêu chí tìm kiếm D1 hoặc chọn D3

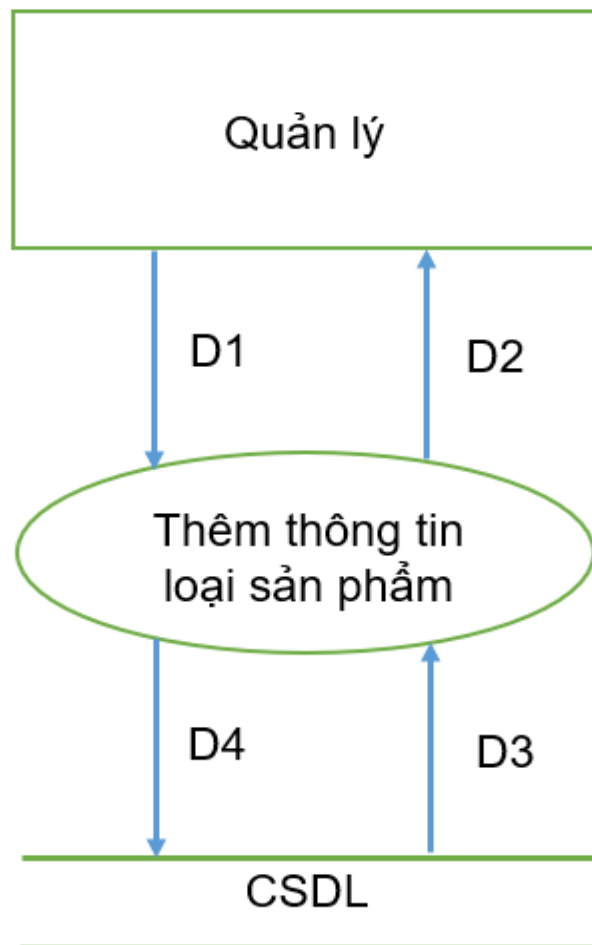
Bước 3: Hiển thị lại danh sách D3 theo các tiêu chí tìm kiếm

Bước 4: Hiển thị thông tin D2

3.4 Sơ đồ quản lý loại sản phẩm

3.4.1 Thêm loại sản phẩm

a) Sơ đồ



Hình 3.4.1: Sơ đồ thêm loại sản phẩm

b) Giải thích

- D1 :
 - Dữ liệu nhập : Tên loại sản phẩm
 - Dữ liệu chọn : Tình trạng.
 - Dữ liệu phát sinh tự động : Mã loại
- D2 = D1
- D3: Danh sách loại sản phẩm
- D4 = D1

c) Thuật toán

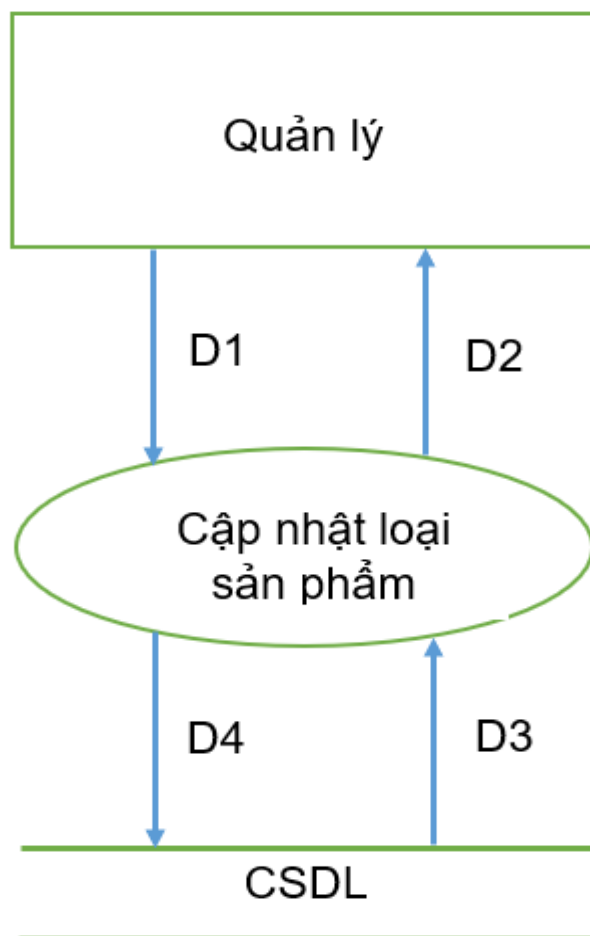
Bước 1: Nhập thông tin D1

Bước 2: Lưu D4 vào cơ sở dữ liệu

Bước 3: Hiển thị D2

3.4.2 Cập nhật loại sản phẩm

a) Sơ đồ



Hình 3.4.2: Sơ đồ cập nhật loại sản phẩm

b) Giải thích

- D1 :
 - Dữ liệu nhập : Tên sản phẩm .
 - Dữ liệu chọn : Tình trạng
- D2 = D1
- D3 : Danh sách Loại sản phẩm
- D4 = D1

c) Thuật toán

Bước 1: Hiện thị danh sách D3

Bước 2: Chọn 1 sản phẩm cần cập nhật trong danh sách Loại sản phẩm D3

Bước 3: Nhập thông tin D1 cần cập nhật

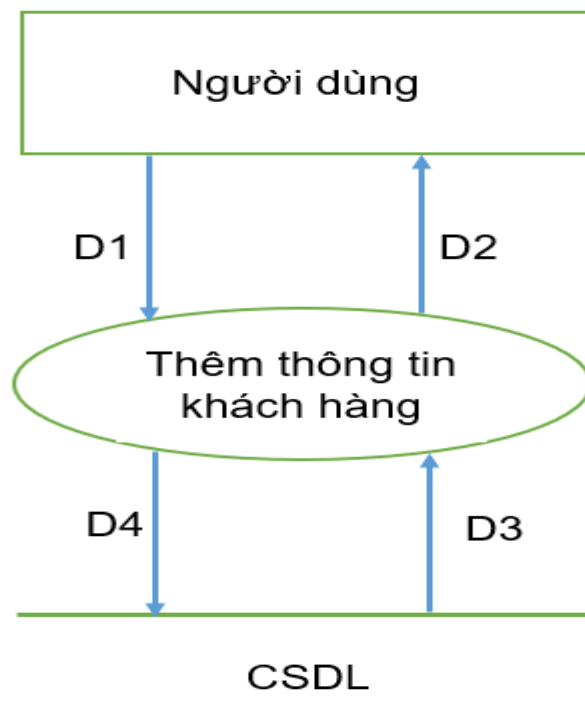
Bước 4: Lưu D4 vào cơ sở dữ liệu

Bước 5: Hiện thị thông tin D2

3.5 Sơ đồ quản lý khách hàng

3.5.1 Thêm khách hàng

a) Sơ đồ



Hình 3.5.1: Sơ đồ thêm khách hàng

b) Giải thích

- D1:
 - Dữ liệu nhập: Họ tên khách hàng, địa chỉ, email, Số điện thoại, CMND
 - Dữ liệu tự động phát sinh: Mã khách hàng, Ngày mua hàng
- D2: $D2 = D1$
- D3: Không có dữ liệu chọn theo danh sách để hiển thị
- D4: $D4 = D1$

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị D3

Bước 2: Phát sinh mã khách hàng

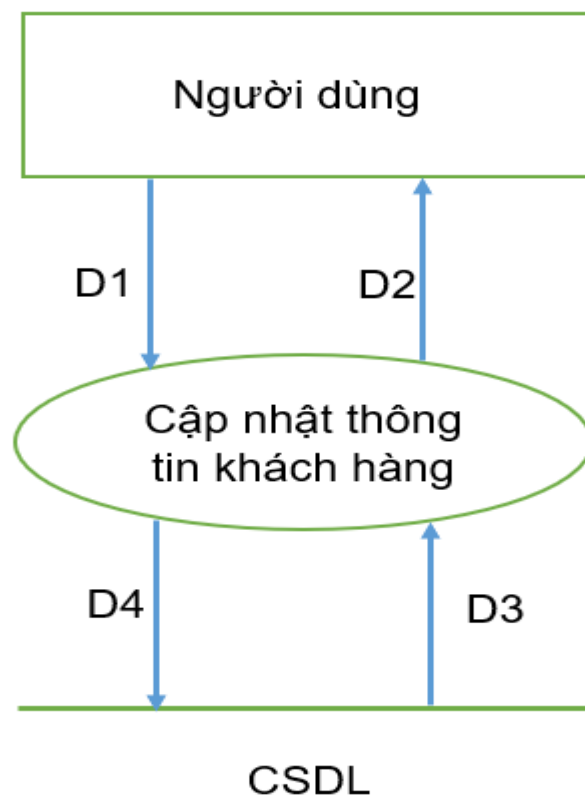
Bước 3: Nhập D1

Bước 4: Lưu vào cơ sở dữ liệu D4

Bước 5: Hiển thị D2

3.5.2 Cập nhật khách hàng

a) Sơ đồ



Hình 3.5.2 Sơ đồ cập nhật khách hàng

b) Giải thích

- D1:
 - Dữ liệu nhập: Họ tên KH, địa chỉ, email, Số điện thoại, CMND
 - Dữ liệu không được cập nhật: Mã KH, Ngày mua hàng
 - Dữ liệu chọn: Tình trạng
- D2: $D2 = D1$
- D3: Không có dữ liệu chọn theo danh sách để load
- D4: $D4 = D1$

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị D3

Bước 2: Hiển thị D1

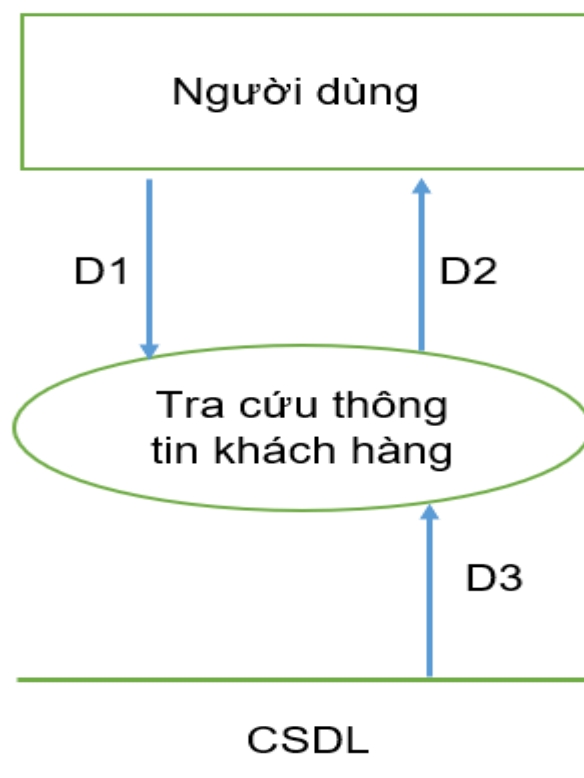
Bước 3: Sửa thông tin D1

Bước 4: Lưu vào cơ sở dữ liệu D4

Bước 5: Hiển thị D2

3.5.3 Tra cứu khách hàng

a) Sơ đồ



Hình 3.5.3: Sơ đồ tra cứu khách hàng

b) Giải thích

- D1: Tiêu chí tìm kiếm: Họ tên khách hàng, Mã khách hàng
- D2: Danh sách kết quả
- D3: Không có dữ liệu chọn theo danh sách để hiển thị

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị D3

Bước 2: Chọn một tiêu chí cần tìm kiếm

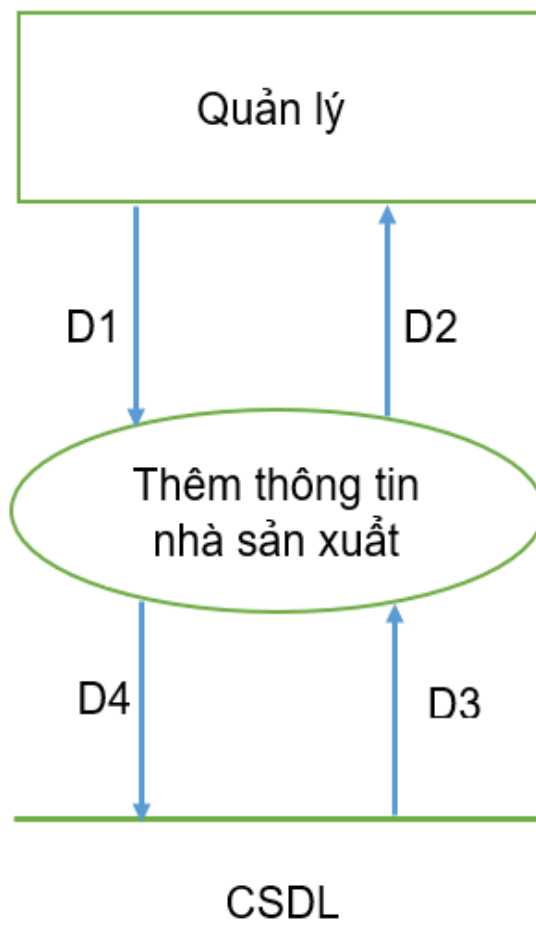
Bước 3: Hiển thị danh sách khách hàng phù hợp

Bước 4: Hiển thị D2

3.6 Sơ đồ quản lý nhà sản xuất

3.6.1 Thêm nhà sản xuất

a) Sơ đồ



Hình 3.6.1: Sơ đồ thêm nhà sản xuất

b) Giải thích

- D1:
 - Dữ liệu nhập: Tên nhà sản xuất, Số điện thoại, Địa chỉ
 - Dữ liệu tự động phát sinh: Mã nhà sản xuất
- D2: $D2 = D1$
- D3: không có dữ liệu chọn theo danh sách để hiển thị
- D4: $D4 = D1$

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị D3

Bước 2: Phát sinh mã nhà sản xuất

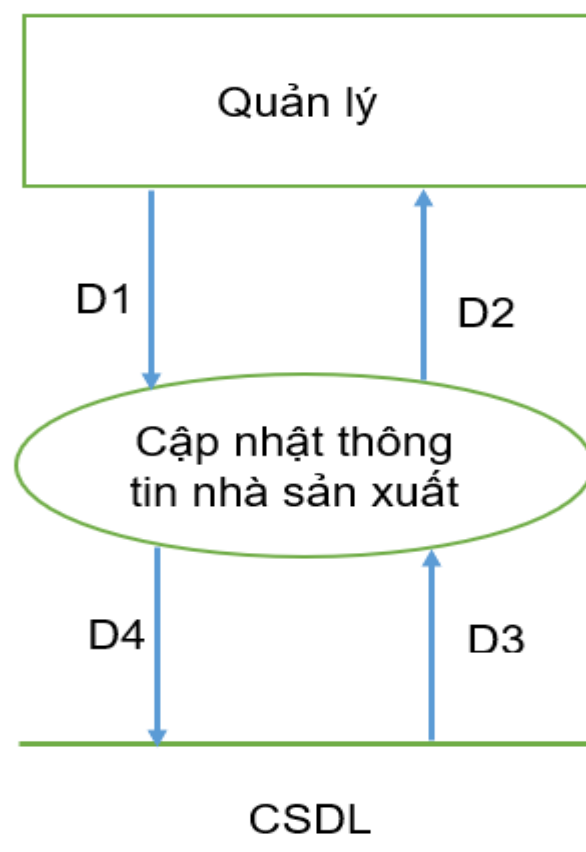
Bước 3: Nhập D1

Bước 4: Lưu vào cơ sở dữ liệu D4

Bước 5: Hiển thị D2

3.6.2 Cập nhật nhà sản xuất

a) Sơ đồ



Hình 3.6.2: Sơ đồ cập nhật nhà sản xuất

b) Giải thích

- D1:
 - Dữ liệu nhập: Tên nhà sản xuất, Số điện thoại, Địa chỉ
 - Dữ liệu không được cập nhật: Mã nhà sản xuất
- Dữ liệu chọn: Tình trạng
- D2: $D2 = D1$
- D3: Không có dữ liệu chọn theo danh sách để hiển thị
- D4: $D4 = D1$

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị D3

Bước 2: Hiển thị D1

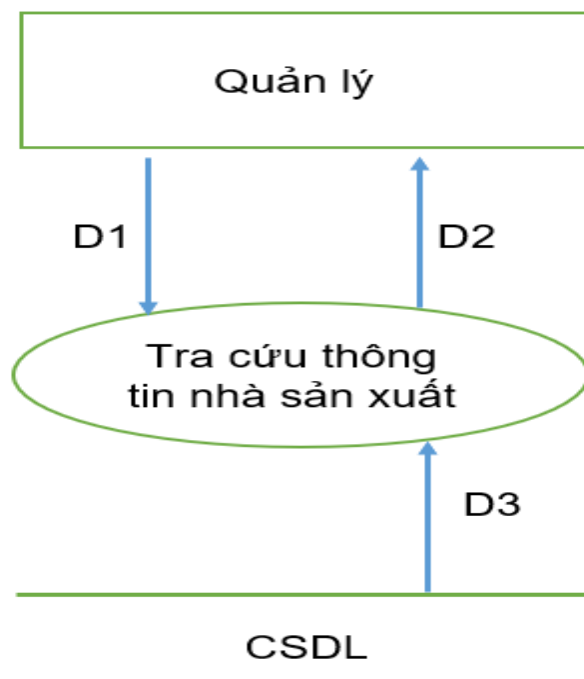
Bước 3: Sửa thông tin D1

Bước 4: Lưu vào cơ sở dữ liệu D4

Bước 5: Hiển thị D2

3.6.3 Tra cứu nhà sản xuất

a) Sơ đồ



Hình 3.6.3: Sơ đồ tra cứu nhà sản xuất

b) Giải thích

- D1: Tiêu chí tìm kiếm: Tên nhà sản xuất, Mã nhà sản xuất
- D2: Danh sách kết quả
- D3: không có dữ liệu chọn theo danh sách để hiển thị

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị D3

Bước 2: chọn một tiêu chí cần tìm kiếm

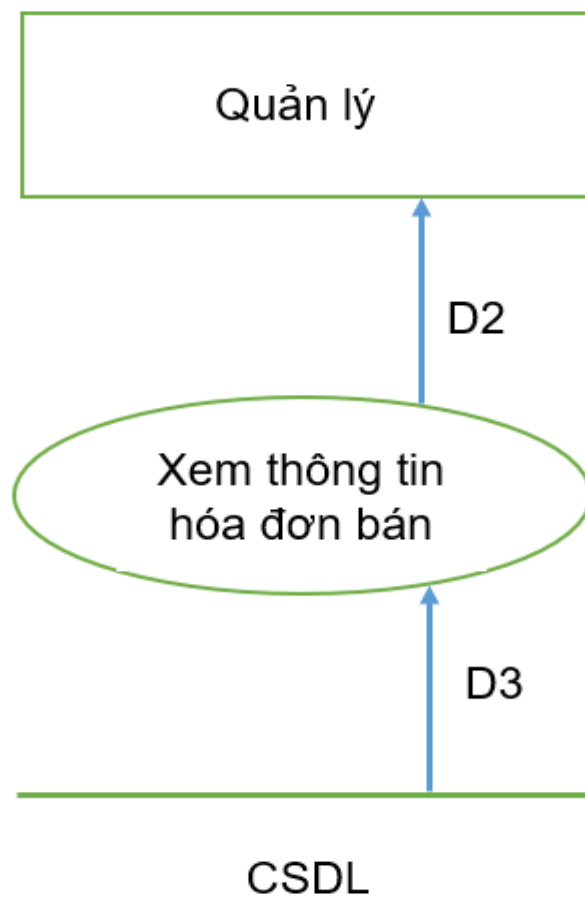
Bước 3: Hiển thị danh sách khách hàng phù hợp

Bước 4: hiển thị D2

3.7 Sơ đồ quản hóa đơn bán

3.7.1 Xem hóa đơn bán

a) Sơ đồ



Hình 3.7.1: Sơ đồ xem hóa đơn bán

b) Giải thích

- D2: Hiển thị các thông tin hóa đơn bán gồm: Mã hóa đơn bán, mã sản phẩm, số lượng, đơn giá
- D3: Hiển thị danh sách nhân viên, danh sách Khách hàng

c) Thuật toán

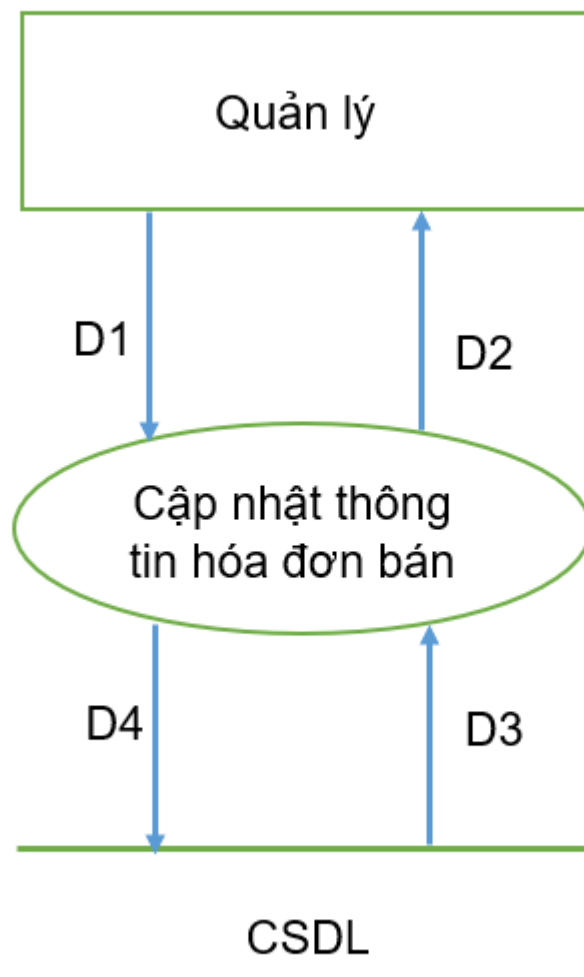
Bước 1: chọn một hóa đơn bán

Bước 2: Xem chi tiết hóa đơn bán

Bước 3: hiển thị D2

3.7.2 Cập nhật hóa đơn bán

a) Sơ đồ



Hình 3.7.2: Sơ đồ cập nhật hóa đơn bán

b) Giải thích

- D1: dữ liệu nhập: Tiền khách trả
 - Dữ liệu tự động phát sinh: Mã hóa đơn bán, tổng tiền, tiền dư, ngày lập hóa đơn
 - Dữ liệu chọn: Mã khách hàng, nhân viên lập, Tình trạng
- D2: $D2 = D1$
- D3: Hiển thị danh sách Mã khách hàng, danh sách nhân viên lập
- D4: $D4 = D1$

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị D3

Bước 2: Hiển thị D1

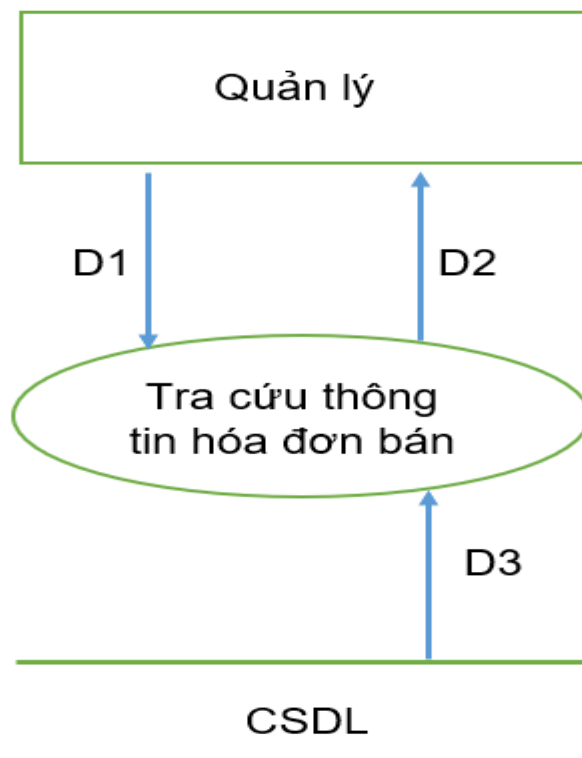
Bước 3: Sửa thông tin D1

Bước 4: Lưu vào cơ sở dữ liệu D4

Bước 5: hiển thị D2

3.7.3 Tra cứu hóa đơn bán

a) Sơ đồ



Hình 3.7.3: Sơ đồ tra cứu hóa đơn bán

b) Giải thích

- D1: Tiêu chí tìm kiếm: Mã hóa đơn bán
- D2: Danh sách kết quả
- D3: không có dữ liệu chọn theo danh sách để hiển thị

c) Thuật toán

Bước 1: Hiển thị D3

Bước 2: chọn Mã hóa đơn bán để tìm kiếm

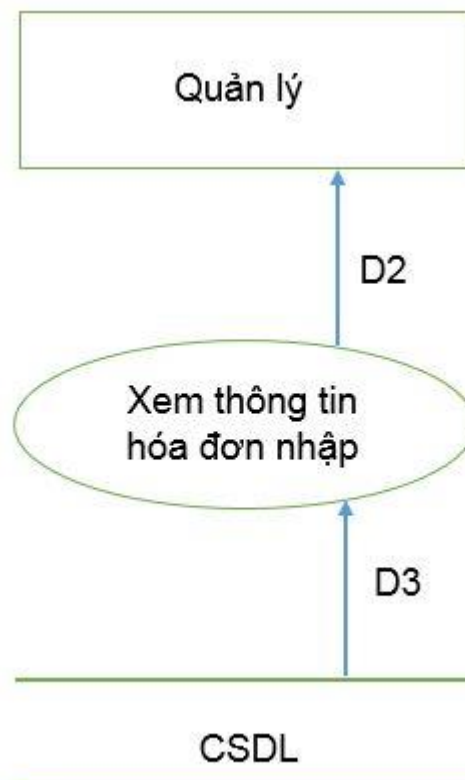
Bước 3: Hiển thị danh sách hóa đơn bán phù hợp

Bước 4: hiển thị D2

3.8 Sơ đồ quản lý hóa đơn nhập

3.8.1 Xem hóa đơn nhập

a) Sơ đồ



Hình 3.8.1 sơ đồ xem thông tin hóa đơn nhập

b) Giải thích

- D2: Hiển thị các thông tin chi tiết hóa đơn nhập gồm: Mã hóa đơn nhập, mã sản phẩm, số lượng, đơn giá
- D3: danh sách mã sản phẩm

c) Thuật toán

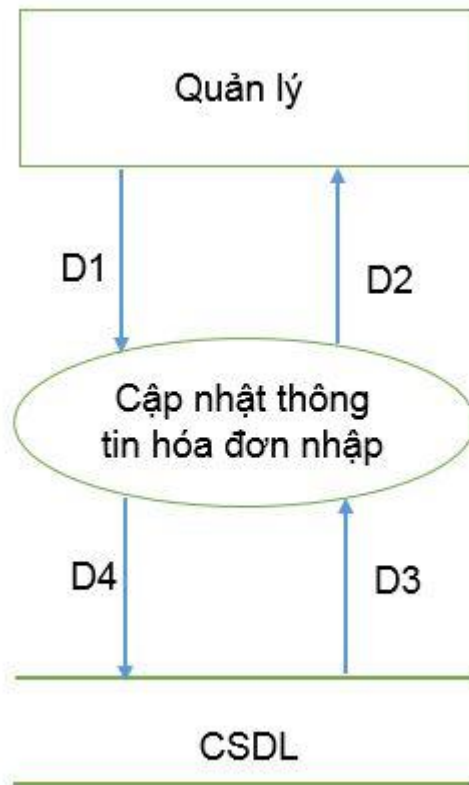
Bước 1: chọn một hóa đơn nhập

Bước 2: hiển thị D3

Bước 3: hiển thị D2

3.8.2 Cập nhật hóa đơn nhập

a) Sơ đồ



Hình 3.8.2 sơ đồ cập nhật hóa đơn nhập

b) Giải thích

- D1:
 - Dữ liệu tự động phát sinh: Mã hóa đơn nhập, tổng tiền, ngày nhập hàng
 - Dữ liệu chọn: Mã nhà sản xuất, nhân viên lập, Tình trạng
- D2: $D2 = D1$
- D3: hiển thị danh sách mã nhà sản xuất, danh sách nhân viên
- D4: $D4 = D1$

c) Thuật toán

Bước 1: hiển thị D3

Bước 2: hiển thị D1

Bước 3: Sửa thông tin D1

Bước 4: Lưu vào cơ sở dữ liệu D4

Bước 5: hiển thị D2

3.8.3 Tra cứu hóa đơn nhập

a) Sơ đồ



Hình 3.8.3 sơ đồ tra cứu thông tin hóa đơn nhập

b) Giải thích

- D1: Tiêu chí tìm kiếm: Mã hóa đơn nhập
- D2: Danh sách kết quả
- D3: không có dữ liệu chọn theo danh sách để hiển thị

c) Thuật toán

Bước 1: hiển thị D3

Bước 2: chọn Mã hóa đơn nhập để tìm kiếm

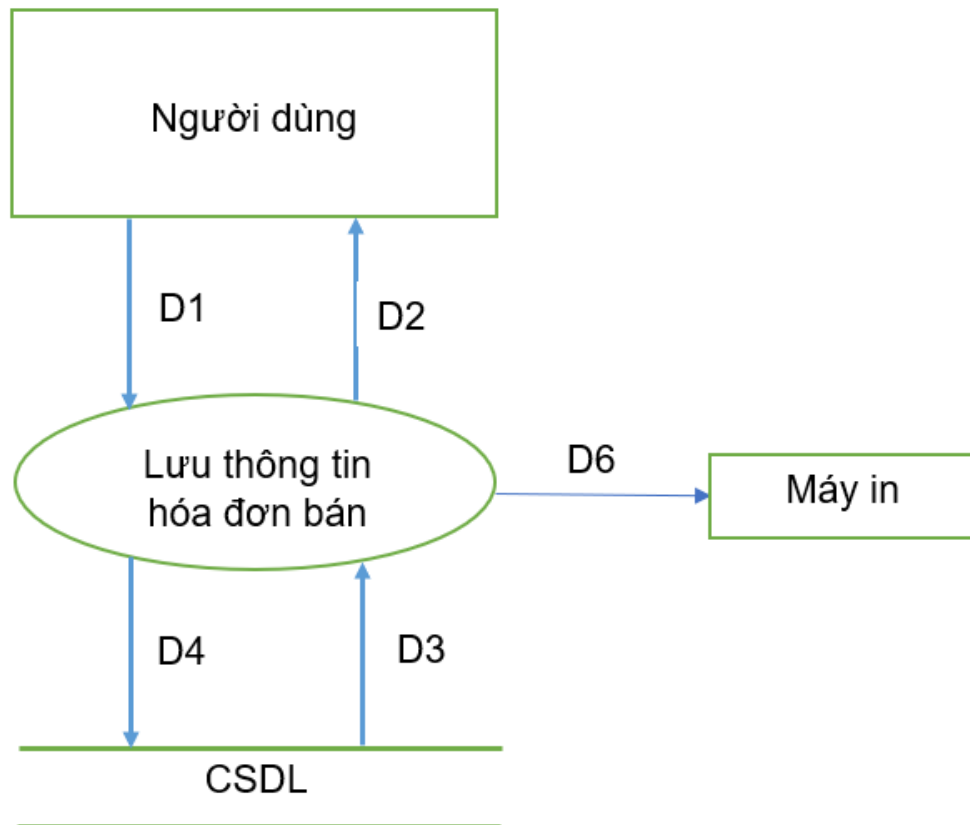
Bước 3: hiển thị danh sách hóa đơn nhập phù hợp

Bước 4: hiển thị D2

3.9 Sơ đồ nghiệp vụ bán hàng

3.9.1 Lưu hóa đơn bán

a) Sơ đồ



Hình 3.9.1: Sơ đồ lưu hóa đơn bán

b) Giải thích

- **D1 :**
 - Dữ liệu nhập : Số lượng , Tiền khách trả
 - Dữ liệu chọn : Khách hàng
 - Dữ liệu phát sinh tự động : Tổng tiền ,Tiền dư , nhân viên lập , Tổng số lượng , Ngày lập , Chi tiết hóa đơn bán(Tên sản phẩm , Giá , Số lượng , Thành tiền) .
- **D2 = D1**
- **D3 :** Danh sách Khách hàng , danh sách Sản phẩm
- **D4 = D1**
- **D6 = D2**

c) Thuật toán

Bước 1: Hiện thị D3

Bước 2: Chọn 1 hoặc nhiều sản phẩm trong danh sách sản phẩm D3

Bước 3: Hiện thị chi tiết hóa đơn bán D1

Bước 4: Nhập thông tin D1

Bước 5: Nếu Số lượng > Số lượng trong danh sách sản phẩm thì hiện thị thông báo "*Số lượng trong kho không đủ*", ngược lại đến bước 6

Bước 6: Nếu Tiền khách trả < Tổng tiền thì hiện thị thông báo "*Số tiền không đủ*", ngược lại đến bước 7

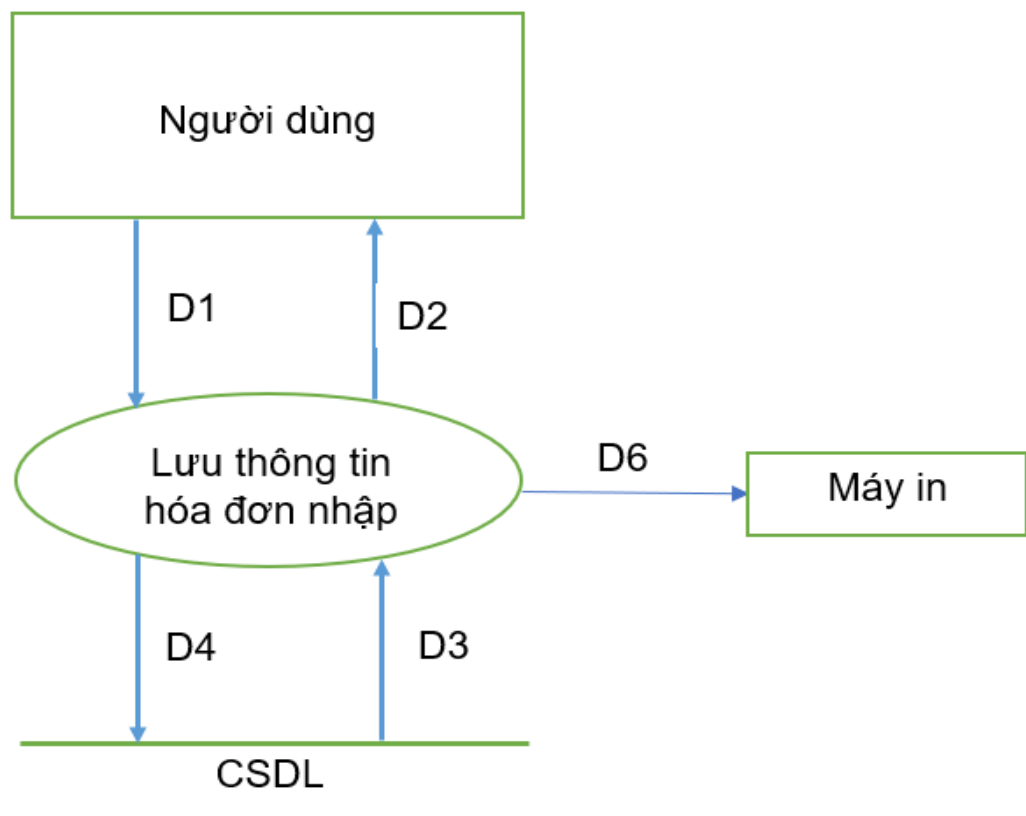
Bước 7: Lưu D1 vào cơ sở dữ liệu

Bước 8: In D2

3.10 Sơ đồ nghiệp vụ nhập hàng

3.10.1 Lưu hóa đơn nhập

a) Sơ đồ



Hình 3.10.1: Sơ đồ lưu hóa đơn nhập

b) Giải thích

- D1 :
 - Dữ liệu nhập : Số lượng
 - Dữ liệu chọn : Nhà sản xuất
 - Dữ liệu phát sinh tự động : Tổng tiền , nhân viên lập , Tổng số lượng , Ngày lập , Chi tiết hóa đơn nhập (Tên sản phẩm , Giá , Số lượng , Thành tiền) .
- D2 = D1
- D3 : Danh sách Nhà sản xuất , danh sách Sản phẩm
- D4 = D1
- D6 = D2

c) Thuật toán

Bước 1: Hiện thị D3

Bước 2: Chọn 1 hoặc nhiều sản phẩm trong danh sách sản phẩm D3

Bước 3: Hiện thị chi tiết hóa đơn bán D1

Bước 4: Nhập thông tin D1

Bước 5: Lưu D1 vào cơ sở dữ liệu

4 Giao diện

4.1 Hệ thống

4.1.1 Đăng nhập

- Là form hiển thị đầu tiên của phần mềm . Khi người dùng mở phần mềm quản lý lên thì form này sẽ hiển thị lên màn hình . Sau đó , người dùng chọn tên đăng nhập và mật khẩu để đăng nhập vào hệ thống quản lý.



The image shows a Windows-style login window titled "Đăng nhập" (Login) with a red title bar. The window contains the "Toy Planet" logo, which features the word "Toy" in large, colorful, rounded letters and "PLANET" in smaller, multi-colored letters below it. Below the logo, there are two input fields: "Tên đăng nhập :" (Username) with a dropdown menu showing "ThanhLuc" and a small downward arrow, and "Mật khẩu :" (Password) with a text box containing ten black dots. At the bottom right, there are two buttons: "Đăng nhập" (Login) and "Thoát" (Exit).

Hình 4.1.1: Giao diện Đăng nhập

➤ Giải thích :

- Tên đăng nhập: Cho phép người dùng chọn tên đăng nhập của mình .
- Mật khẩu: Người dùng nhập vào mật khẩu .
- Đăng nhập: Khi nhấn nút đăng nhập nếu đăng nhập thành công thì người dùng sẽ truy cập vào được hệ thống quản lý.
- Thoát: Khi nhấn nút thoát thì sẽ tắt chương trình phần mềm.

4.1.2 Tổng quan

- Sau khi đăng nhập thành công vào hệ thống quản lý thì form này sẽ hiển thị lên cho người dùng . Người dùng có thể thực hiện các chức năng quản lý , bán hàng ,nhập hàng, báo cáo ,... bằng cách chọn các tiêu đề trên thanh menu.



Hình 4.1.2: Giao diện Tổng Quan khi nhấn vào quản lý

Tổng quan | Người dùng | Quản lý | **Nghị vụ** | Báo cáo - Thống kê | Đăng xuất

Welcome to the Toy Planet !!!

Hoạt động trong ngày

Số hóa đơn bán : <input type="text" value="0"/>	Tổng sản phẩm đã bán : <input type="text" value="0"/>	Số hóa đơn hủy : <input type="text" value="0"/>
Số hóa đơn nhập : <input type="text" value="0"/>	Tổng sản phẩm đã nhập : <input type="text" value="0"/>	Tổng doanh thu : <input type="text" value="0"/>

Hình 4.1.3: Giao diện Tổng Quan khi nhấn vào nghiệp vụ

➤ Giải Thích :

- Tổng quan : Khi nhấn vào Tổng quan thì hệ thống sẽ gọi lại form chính (from Tổng quan) .
- Người dùng : Khi nhấn vào Người dùng thì hệ thống sẽ hiển thị form người dùng.
- Quản lý : Khi nhấn vào Quản lý thì trong Quản lý sẽ bao gồm : Sản phẩm , Tài khoản , Nhà sản xuất , Hóa đơn , Khách hàng để cho người dùng lựa chọn đối tượng mình muốn quản lý.
- Nghiệp vụ : Khi nhấn vào Nghiệp vụ thì trong Nghiệp vụ sẽ bao gồm : Nhập hàng , Bán hàng để cho người dùng lựa chọn đối tượng mình muốn thực hiện.
- Báo cáo – Thống kê : Khi nhấn vào thì hệ thống sẽ hiển thị form Báo cáo -Thống kê.
- Đăng xuất : Khi nhấn vào Đăng xuất thì tài khoản hiện tại sẽ đăng xuất , thoát khỏi form chính và gọi lại form Đăng nhập
- Hoạt động trong ngày : Tổng kết lại các hoạt động của cửa hàng trong một ngày bao gồm ; Số hóa đơn bán , hóa đơn nhập, tổng doanh thu ,...

4.1.3 Người dùng

- Form này là để hiển thị thông tin người dùng hiện tại đang đăng nhập vào hệ thống.



Người dùng

Xin chào người dùng



Mã tài khoản : TK001

Tên đăng nhập : ThanhLuc

Tên hiển thị : Nguyễn Thành Lực

Chức Vụ : Quản Lý

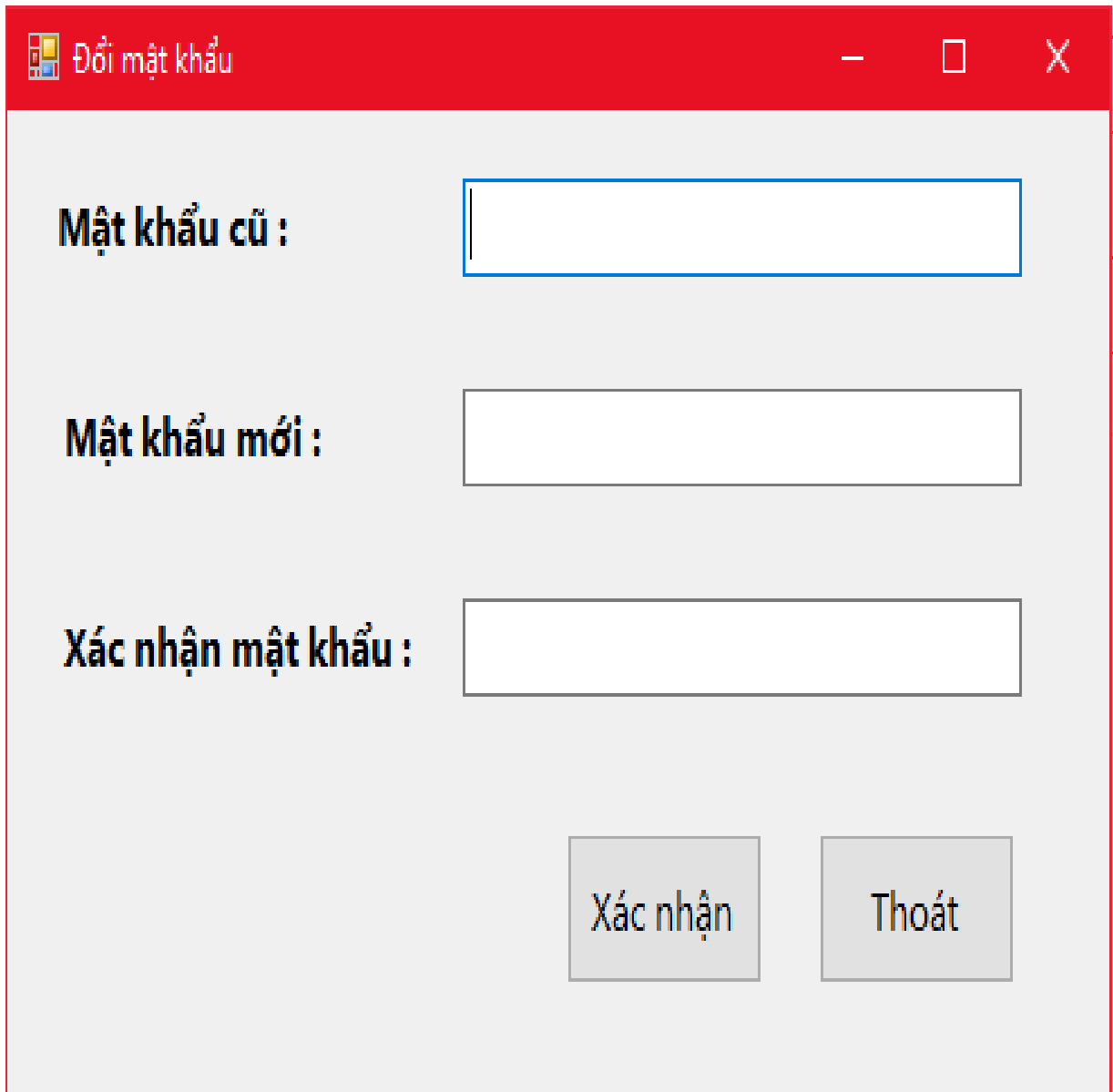
Đổi mật khẩu Quay lại

Hình 4.1.4 : Người dùng

- Giải thích :
 - Các textbox hiển thị thông tin của người dùng đang đăng nhập hiện tại.
 - Đổi mật khẩu : Nếu người dùng muốn đổi mật khẩu thì nhấn vào nút Đổi mật khẩu . Khi nhấn vào nút này thì form Đổi mật khẩu sẽ hiện lên người dùng có thể thực hiện thao tác đổi mật khẩu.
 - Quay lại : Khi nhấn nút quay lại sẽ tắt form Người dùng .

4.1.4 Đổi mật khẩu

- Form này để cho người dùng thực hiện chức năng đổi mật khẩu .



The image shows a Windows-style dialog box titled "Đổi mật khẩu" (Change Password). The dialog has a red title bar with standard minimize, maximize, and close buttons. The main area is light gray and contains three text input fields. The first field is labeled "Mật khẩu cũ :" (Old Password). The second field is labeled "Mật khẩu mới :" (New Password). The third field is labeled "Xác nhận mật khẩu :" (Confirm Password). Below the input fields, there are two buttons: "Xác nhận" (Confirm) and "Thoát" (Exit).

Hình 4.1.5 : Đổi mật khẩu

- Giải thích :
- Mật khẩu cũ : Người dùng nhập vào mật khẩu hiện tại của mình.
 - Mật khẩu mới : Người dùng nhập vào mật khẩu mới của mình .
 - Xác nhận mật khẩu : Textbox này yêu cầu người dùng nhập lại mật khẩu mới để nó xác nhận lại mật khẩu mới có trùng với nhau hay không.
 - Xác nhận : Sau khi thực hiện các thao tác trên thì nhấn nút xác nhận thì hệ thống sẽ lưu lại mật khẩu mới vào cơ sở dữ liệu.
 - Thoát : Nhấn nút thoát thì sẽ tắt form Đổi mật khẩu

4.2 Quản Lý

4.2.1 Tài khoản

- ❖ Khi người dùng trở vào Quản lý chọn Tài khoản trên thanh menu thì form Tài khoản sẽ được hiển thị lên. Form này gồm 2 giao diện chính : Tài khoản và Loại tài khoản .

1. Tài khoản :

- Giao diện tài khoản để cho admin quản lý các tài khoản của nhân viên gồm các chức năng như : Thêm , xóa ,sửa.

Mã TK	Họ tên	Địa chỉ	Số điện thoại	Mật khẩu	Chức Vụ	Tên đăng nhập	Email	CMND	Ảnh đại diện	Tình trạng
TK001	Nguyễn Thà...	150/57/51	123456789	123456789	LTK001	ThanhLuc	thanhlu...	123123...	thanhlu...	1
TK002	Lê Hữu Thắng	150/57/51	123456789	123456789	LTK002	HuuThang	huutha...	123123...	huutha...	1
TK003	Nguyễn Tha...	150/51/52	123456789	123456789	LTK002	ThanhTam	thanhta...	123123...	thanhta...	1

Hình 4.2.1: Giao diện Tài khoản

➤ Giải thích :

- Thông tin tài khoản : hiển thị tất cả thông tin của một tài khoản .
- Danh sách tài khoản : hiển thị danh sách thông tin của tất cả nhân viên có trong cửa hàng , được load lên từ cơ sở dữ liệu . Khi nhấn vào 1 tài khoản trong danh sách thì thông tin tài khoản đó sẽ được hiển thị lên Thông tin tài khoản .
- Thêm : Thêm một tài khoản mới vào danh sách .
- Xóa : Xóa một tài khoản trong danh sách .

- Sửa : Sửa(cập nhật) một tài khoản trong danh sách .
- Tìm kiếm : Tìm kiếm theo tên nhân viên . Người dùng nhập vào tên nhân viên muốn tìm nhấn nút tìm kiếm thì giao diện sẽ hiển thị lên danh sách nhân viên theo yêu cầu .

2. Loại tài khoản :

- Giao diện loại tài khoản để cho admin quản lý các loại tài khoản gồm các chức năng như : Thêm , xóa ,sửa.

Tổng quan

Người dùng

Quản lý

Nghệp vụ

Báo cáo - Thống kê

Đăng xuất

Tài khoản

Loại tài khoản

Thông tin

Mã loại : LTK001

Tên loại TK : Quản Lý

Tình trạng : ☒ Hoạt động

Thêm

Xóa

Sửa

Làm mới

Danh sách loại tài khoản

Mã loại TK	Tên loại TK	Tình trạng
LTK001	Quản Lý	1
LTK002	Nhân Viên	1

Hình 4.2.2: Giao diện Loại tài khoản

➤ Giải thích :

- Thông tin: hiển thị tất cả thông tin của một loại tài khoản.
- Danh sách loại tài khoản : hiển thị danh sách thông tin của tất cả loại tài khoản được load lên từ cơ sở dữ liệu. Khi nhấn vào 1 loại tài khoản trong danh sách thì thông tin tài khoản đó sẽ được hiển thị lên Thông tin.
- Thêm : Thêm một loại tài khoản mới vào danh sách .
- Xóa : Xóa một loại tài khoản trong danh sách .
- Sửa : Sửa(cập nhật) một loại tài khoản trong danh sách.

4.2.2 Sản phẩm

- Khi người dùng trở vào Quản lý chọn Sản phẩm trên thanh menu thì form Sản phẩm sẽ được hiển thị lên. Form này gồm 2 giao diện chính: Sản phẩm và Loại sản phẩm.

1. Sản phẩm :

- Giao diện sản phẩm để cho admin quản lý các sản phẩm trong cửa hàng gồm các chức năng như: Thêm, xóa, sửa.

Tổng quan

Người dùng

Quản lý

Nhiệm vụ

Báo cáo - Thống kê

Đăng xuất

Sản phẩm

Loại sản phẩm

Thông tin sản phẩm

Mã SP :

SP006

Giá :

49,000

Tên SP :

Đồ chơi búp bê công chúa đi

Số lượng :

99

Độ tuổi :

Từ 2 tuổi

Còn Bán

☒

Mô tả :

Sản phẩm được cấu tạo bởi 12 khớp tạo độ linh hoạt cho búp bê

Loại SP :

Nhà sản xuất :

No brand

Thêm

Xóa

Sửa

Làm mới

Tên SP :

Giá từ :

Giá đến :

Sản Phẩm Đã Xóa

☐

Tìm kiếm

Danh sách sản phẩm

Mã SP	Tên SP	Độ tuổi	Mô tả	Số lượng	Giá	Loại SP	NSX
SP006	Đồ chơi búp bê...	Từ 2 tuổi	Sản phẩm được...	99	49000	LSP005	NSX003
SP007	Lắp Ráp Lego ...	Từ 6 tuổi	hộp màu kích t...	193	159000	LSP001	NSX001
SP008	Đồ Chơi Đâm H...	Từ 7 tuổi	•Thiết kế độc đ...	96	27000	LSP004	NSX003
SP009	Bộ đồ chơi rút ...	Từ 3 tuổi	•Gỗ tự nhiên a...	101	24000	LSP004	NSX003
SP010	Đồ Chơi Khám ...	Từ 3 tuổi	•Mang tính giải...	106	57000	LSP002	NSX003
SP011	Hộp đồ chơi xe...	Từ 3 tuổi	Hộp đồ chơi xe...	109	29000	LSP003	NSX002
SP012	Xe Ô Tô Mô Hi...	Từ 4 tuổi	Hộp kim cao cấ...	129	151000	LSP006	NSX003

Hình 4.2.3: Giao diện Sản phẩm

➤ Giải thích

- Thông tin sản phẩm : hiển thị tất cả thông tin của một sản phẩm .
- Danh sách sản phẩm : hiển thị danh sách thông tin của tất cả sản phẩm có trong cửa hàng , được load lên từ cơ sở dữ liệu . Khi nhấn vào 1 sản phẩm trong danh sách thì thông tin sản phẩm đó sẽ được hiển thị lên Thông tin sản phẩm .
- Thêm : Thêm một sản phẩm mới vào danh sách .
- Xóa : Xóa một sản phẩm trong danh sách .
- Sửa : Sửa(cập nhật) một sản phẩm trong danh sách.
- Tìm kiếm : Tìm kiếm theo các tiêu chí : tên sản phẩm, giá từ , giá đến . Người dùng nhập vào một hoặc nhiều tiêu chí muốn tìm kiếm , nhấn nút tìm kiếm thì giao diện sẽ hiển thị lên danh sách sản phẩm theo các tiêu chí đó .

2.Loại sản phẩm :

- Giao diện loại sản phẩm để cho admin quản lý các loại sản phẩm trong cửa hàng gồm các chức năng như :Thêm ,xóa ,sửa.

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm
LSP002	đồ chơi trẻ nhỏ
LSP003	đồ chơi giải trí
LSP006	Đồ chơi ngoài trời
LSP007	Đồ chơi phát nhạc
LSP008	Đồ chơi giáo dục

Hình 4.2.4:Giao diện Loại sản phẩm

➤ Giải thích :

- Thông tin loại sản phẩm : hiển thị tất cả thông tin của một loại sản phẩm .
- Danh sách sản phẩm : hiển thị danh sách thông tin của tất cả loại sản phẩm có trong cửa hàng , được load lên từ cơ sở dữ liệu . Khi nhấn vào 1 loại sản phẩm trong danh sách thì thông tin sản phẩm đó sẽ được hiển thị lên Thông tin sản phẩm .
- Thêm : Thêm một loại sản phẩm mới vào danh sách.
- Xóa : Xóa một loại sản phẩm trong danh sách .
- Sửa : Sửa(cập nhật) một loại sản phẩm trong danh sách.

4.2.3 Khách hàng

- Khi admin vào giao diện quản lý và vào quản lý thông tin khách hàng sẽ hiển thị tất cả các thông tin của tất cả các khách hàng. Admin có tất cả các quyền sửa dụng các chức năng: thêm, xóa, sửa khách hàng .

Tổng quan

Người dùng

Quản lý

Nghệp vụ

Báo cáo - Thống kê

Đăng xuất

Thông tin khách hàng

Mã khách hàng : KH001

Ngày mua : 21/12/2018

Họ tên : Nguyễn Thàqweqwe

Địa chỉ : 150/7 cầu ánh sao

Email : thanh luc2008@gmail.com

CMND : 123456789

Số điện thoại : 93783188

Tình trạng : ☒ Hoạt động

Thêm

Xóa

Sửa

Làm mới

Tên KH :

Khách hàng đã xóa

Tìm kiếm

Danh sách khách hàng

Mã KH	Tên KH	Địa Chỉ	Email	Số Điện Thoại	CMND	Ngày Mua Hàng	Tình Tr
KH001	Nguyễn Thàqweqwe	150/7 cầu ánh sao	thanh luc2008@gma...	93783188	123456789	26-Nov-18	1
KH002	Nguyễn Thanh Tâm	152/335 cầu ông lãnh	thanhtam2012@gm...	92789211	123456788	26-Nov-18	1
KH003	Lê Hữu Thắng	151/6 cầu cống	huuthang2016@gm...	91783921	123456787	26-Nov-18	1
KH005	Lực Tâm Thắng	1231231	lucthangtam	123123	123123	26-Nov-18	1
KH006	tamocchi	efgfdgfd	dfd@gmail.com	1232	3432423432	26-Nov-18	1

Hình 4.2.5: Giao diện khách hàng

➤ Giải thích :

- Thông tin khách hàng: hiển thị tất cả thông tin của khách hàng.
- Danh sách khách hàng : hiển thị danh sách thông tin của tất cả khách hàng được lấy lên từ cơ sở dữ liệu. Khi nhấn chọn vào một khách hàng vào khách hàng trong danh sách thì thông tin khách hàng đó sẽ được hiển thị lên Thông tin khách hàng.
- Thêm : Thêm một khách hàng mới vào danh sách .
- Xóa : Xóa một khách hàng trong danh sách .
- Sửa : Sửa(cập nhật) một khách hàng trong danh sách.
- Tìm kiếm: tìm kiếm theo tiêu chí: mã khách hàng hoặc tên khách hàng. Thông tin sẽ được lọc ra và hiển thị kết quả theo tiêu chí tìm kiếm.

4.2.4 Nhà sản xuất

- Khi admin vào giao diện quản lý và vào quản lý thông tin nhà sản xuất sẽ hiển thị tất cả các thông tin của tất cả các nhà sản xuất. Admin có tất cả các quyền sửa dụng các chức năng: thêm, xóa, sửa nhà sản xuất.

Tổng quanNgười dùngQuản lýNg nghiệp vụBáo cáo - Thống kêĐăng xuất

Thông tin nhà sản xuất

Mã NSX :NSX001

Tên NSX :LeGo1

Số điện thoại :123

Tình trạng :☒ Hoạt động

Địa chỉ :123

Thêm

Xóa

Sửa

Làm mới

Tên NSX :

Nhà sản xuất đã xóa☐

Tim kiếm

Danh sách nhà sản xuất

Mã NSX	Tên NSX	Số điện thoại	Địa chỉ
NSX001	LeGo1	123	123
NSX002	Phước Thành	123456789	Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
NSX003	No brand	123456789	Huyện Quế Võ, Bắc Ninh
NSX004	Việt Mỹ	902333196	số 9 đường Song
NSX005	AMEN	123	937831884
NSX006	ANU	123	09037831884
NSX007	ada	12312	qwe
NSX008	123	123	123
NSX009	123	123	123
NSX010	TAM	1111	123

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình 4.2.6: Giao diện nhà sản xuất

➤ Giải thích :

- Thông tin nhà sản xuất: hiển thị tất cả thông tin của nhà sản xuất.
- Danh sách nhà sản xuất : hiển thị danh sách thông tin của tất cả nhà sản xuất được lấy lên từ cơ sở dữ liệu. Khi nhấn chọn vào một nhà sản xuất trong danh sách thì thông tin nhà sản xuất đó sẽ được hiển thị lên Thông tin nhà sản xuất.
- Thêm : Thêm một nhà sản xuất mới vào danh sách .
- Xóa : Xóa một nhà sản xuất trong danh sách .
- Sửa : Sửa(cập nhật) một nhà sản xuất trong danh sách.
- Tìm kiếm: tìm kiếm theo tiêu chí: mã nhà sản xuất hoặc tên nhà sản xuất. Thông tin sẽ được lọc ra và hiển thị kết quả theo tiêu chí tìm kiếm.

4.2.5 Hóa đơn

- ❖ Khi admin chọn quản lý giao diện sẽ xổ ra một loạt danh sách các chức năng quản lý. Chọn hóa đơn thì sẽ hiển thị 1 trong 2 hóa đơn nhập và bán. Admin có thể chọn 1 trong 2 để quản lý.

1. Hóa đơn bán

- Cho phép admin quản lý các hóa đơn bán do các nhân viên lập bao gồm: Xem, Xóa, Sửa...

Mã HD bán	Tổng tiền	Ngày lập	NV lập	Khách hàng
HDB001	199000	03-Dec-18	Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Thanh Tâm
HDB002	75000	03-Dec-18	Nguyễn Thành Lực	tamocchi
HDB004	150000	04-Dec-18	Nguyễn Thành Lực	Lê Hữu Thắng

Mã HD	Mã SP	Giá bán	Số lượng	Thành tiền
HDB001	Đồ Chơi Lắp Ráp Mô H...	49000	1	49000
HDB001	Đồ chơi búp bê công c...	49000	1	49000

Hình 4.2.7: Giao diện hóa đơn bán

➤ Giải Thích

- Thông tin hóa đơn : Hiển thị thông tin của hóa đơn.
- Danh sách hóa đơn bán: Hiển thị danh sách tất cả các hóa đơn bán.
- Chi tiết hóa đơn bán: Hiển thị chi tiết hóa đơn bán.
- Xem: Khi nhấp chuột, chi tiết hóa đơn bán sẽ được hiển thị theo hóa đơn bán đã chọn trên danh sách hóa đơn bán.
- Xóa: Khi nhấp chuột, hóa đơn bán đã chọn trên danh sách hóa đơn bán sẽ được cập nhật tình trạng bằng 0 và sẽ xóa hóa đơn bán đó trên danh sách, đồng thời xóa luôn chi tiết hóa đơn của hóa đơn đó.
- Sửa: Khi nhấp chuột, nếu có thay đổi trên thông tin hóa đơn bán thì sẽ được cập nhật mới, và hiển thị những gì cập nhật được sang danh sách hóa đơn bán.
- Danh sách hóa đơn đã xóa: Khi tích vào checkbox thì danh sách hóa đơn bán sẽ hiển thị những hóa đơn bán đã xóa, cụ thể là các hóa đơn có tình trạng bằng 0.
- Tìm Kiếm: Khi nhấp chuột, danh sách hóa đơn bán sẽ hiển thị những thông tin hóa đơn bán theo mã được nhập vào ô mã hóa đơn bán.

2. Hóa đơn nhập

- Cho phép admin quản lý các hóa đơn nhập do các nhân viên lập bao gồm: Xem, Xóa, Sửa...

Thông tin hóa đơn

Mã HD nhập : HDN017

Tổng tiền : 5760000

Ngày lập : 11/28/2018

NV lập : Nguyễn Thành Lực

Nhà sản xuất : LeGo1

Xem Xóa Sửa

Mã HD nhập:

Hóa đơn nhập đã xóa ☐

Tìm kiếm

Danh sách HDN

Mã HD nhập	Tổng tiền	Ngày lập	NV lập	Nhà sản xuất
HDN016	2884000	28-Nov-18 9:16 AM	Nguyễn Thành Lực	LeGo1
HDN017	5760000	28-Nov-18 9:17 AM	Nguyễn Thành Lực	LeGo1
HDN018	5221000	28-Nov-18 9:54 AM	Nguyễn Thành Lực	123

Chi tiết hóa đơn nhập

Mã HD	Mã SP	Giá nhập	Số lượng	Thành tiền
HDN017	Bộ Học Kỹ Năng IQ Ch...	90000	64	5760000

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình 4.2.8: Giao diện hóa đơn nhập

➤ Giải thích :

- Thông tin hóa nhập : Hiển thị thông tin của hóa đơn.
- Danh sách hóa đơn nhập: Hiển thị danh sách tất cả các hóa đơn nhập.
- Chi tiết hóa đơn nhập: Hiển thị chi tiết hóa đơn nhập.
- Xem: Khi nhấp chuột, chi tiết hóa đơn nhập sẽ được hiển thị theo hóa đơn nhập đã chọn trên danh sách hóa đơn nhập.
- Xóa: Khi nhấp chuột, hóa đơn nhập đã chọn trên danh sách hóa đơn nhập sẽ được cập nhật tình trạng bằng 0 và sẽ xóa hóa đơn nhập đó trên danh sách, đồng thời xóa luôn chi tiết hóa đơn của hóa đơn đó.
- Sửa: Khi nhấp chuột, nếu có thay đổi trên thông tin hóa đơn nhập thì sẽ được cập nhật mới, và hiển thị những gì cập nhật được sang danh sách hóa đơn nhập.
- Danh sách hóa đơn đã xóa: Khi tích vào checkbox thì danh sách hóa đơn nhập sẽ hiển thị những hóa đơn nhập đã xóa, cụ thể là các hóa đơn có tình trạng bằng 0.
- Tìm Kiếm: Khi nhấp chuột, danh sách hóa đơn nhập sẽ hiển thị những thông tin hóa đơn nhập theo mã được nhập vào ô mã hóa đơn nhập.

4.3 Nghiệp vụ

4.3.1 Bán hàng

- Khi người dùng trở vào Nghiệp vụ chọn Bán hàng trên thanh menu thì form Bán hàng sẽ được hiển thị lên. Người dùng có thể thực hiện chức năng bán hàng trong form này.

Tổng quan

Người dùng

Quản lý

Nghiep vụ

Báo cáo - Thống kê

Đăng xuất

DSKH

NV lập : Nguyễn Thành Lực

KH : KH002

1

Tăng

Giảm

Tổng SL : 3

Tổng tiền : 257000

Tiền khách trả : 300000

Tiền dư : 43000

Thanh toán

Tên Sản Phẩm	Số lượng	Giá	Thành tiền	Hủy SP
Đồ chơi búp bê công chúa ...	1	49,000 VND	49,000 VND	Xóa
Bộ đồ chơi xếp hình	1	49,000 VND	49,000 VND	Xóa
Lắp Ráp Lego Mô Hình Đồ ...	1	159,000 VND	159,000 VND	Xóa

Tên sản phẩm :

Giá từ :

Giá đến :

Tìm kiếm

Đồ chơi búp bê công chúa ...

Lắp Ráp Lego Mô ...

Đồ Chơi Đàm Hải T...

Bộ đồ ch rút gỗ 48...

Đồ Chơi Nam Rã...

Hộp đồ chơi xe ong nh...

Xe Ô Tô Mô Hình Tomi...

Tàu cano điều khi...

Bộ Trò chơi Phá Bàng...

Xe Đồ Chơi Mô Hình ...

Bộ đồ chơi xếp hình

Đồ chơi lò xo cầu vồ...

Đồ chơi gà bóp kêu ...

Đồ Chơi Cầu Cá Bằng N...

Đồ chơi đồng xu n...

Đồ chơi quả trứng lưới...

Đồ chơi siêu xe ô tô biể...

Bộ 16 Con Đồ Chơi...

Đồ chơi lắp ráp gỗ 3D ...

Hộp đồ chơi xe tăng 4 ...

Bộ đồ chơi lắp ráp n...

Bộ 4 hộp đồ chơi lắp r...

Đồ chơi đội trưởng mỹ

Đồ chơi người nh...

Đồ chơi máy bay dùn...

Đồ chơi khủng lon...

Robot Thông Minh Biết ...

Hộp đồ chơi mèo Tom t...

Hộp đồ chơi khủng lon...

Đồ chơi nhạc cụ - Đ...

Đồ chơi nhạc cụ k...

Đồ chơi piano mini

Đồ chơi đàn ghita

Voi Đồ Chơi Âm Nhạc

Bộ trống mini cho t...

Gỗ Đàn Gỗ Xylophon...

Hình 4.3.1 : Giao diện bán hàng

➤ Giải thích :

- 1 : Hiển thị danh sách sản phẩm trong cửa hàng để người dùng có thể lựa chọn sản phẩm mình muốn . Khi người dùng chọn vào 1 sản phẩm thì sản phẩm đó sẽ được hiển thị lên giỏ hàng(2).
- 2 : Hiển thị lại chi tiết hóa đơn bán (Tên SP , Giá , Số lượng , Thành tiền) của tất cả sản phẩm đã chọn trong danh sách sản phẩm(1).
- 3 : Hiển thị các thông tin của hóa đơn bán như : (Nvlap,Tổng tiền ,tiền dư , Tổng số lượng,...) tương ứng với chi tiết hóa đơn bán của sản phẩm đã chọn ở bước (2) . Sau khi người dùng thực hiện xong (2) thì sẽ đến (3) người dùng sẽ chọn khách hàng cần thanh toán , nhập vào số tiền khách trả hoặc có thể chọn số lượng cho mỗi sản phẩm trong giỏ hàng. Sau khi điền đủ thông tin thì người dùng nhấn nút Thanh toán .
- Xóa : Mỗi sản phẩm trong giỏ hàng đều có nút xóa khi người dùng nhấn nút xóa thì sẽ xóa sản phẩm đó.Sau khi xóa thì Tổng số lượng , Tổng tiền của (3) sẽ được cập nhật lại .
- Tăng : Tăng số lượng của 1 sản phẩm . Người dùng chọn 1 sản phẩm muốn tăng trong giỏ hàng sau đó nhập số lượng muốn tăng vào ô numeric và nhấn nút Tăng thì số lượng , thành tiền của sản phẩm bên giỏ hàng sẽ được cập nhật lại đồng thời Tổng số lượng , Tổng tiền của (3) cũng sẽ được cập nhật lại .
- Giảm : Giảm số lượng của sản phẩm. Tương tự như nút Tăng.
- + : Thêm khách hàng mới .Khi người dùng nhấn nút + thì form thêm khách hàng sẽ hiển thị lên , sau khi thêm thành công khách hàng mới thì hệ thống sẽ tự động cập nhật khách hàng mới vào combobox(DSKH).
- Tìm kiếm : Tìm kiếm theo các tiêu chí : tên sản phẩm, giá từ , giá đến . Người dùng nhập vào một hoặc nhiều tiêu chí muốn tìm kiếm , nhấn nút tìm kiếm thì sẽ hiển thị lên danh sách sản phẩm theo các tiêu chí đó .

- Thanh toán : Sau khi thực hiện hết các bước (1) , (2) , (3) thì nhấn nút thanh toán thì hệ thống sẽ lưu thông tin hóa đơn bán đó vào cơ sở dữ liệu và hiển thị bằng report của hóa đơn đó , người dùng có thể in hoặc không in hóa đơn đó.

4.3.2 Thêm khách hàng

- Khi người dùng nhấn vào + trong form Bán hàng thì form này sẽ được hiển thị lên. Form này để cho người dùng thực hiện chức năng thêm một khách hàng mới .

The screenshot displays a software interface for managing customers. The main window features a table with columns: Tên Sản Phẩm, Số lượng, Giá, Thành tiền, and Hủy SP. A modal window titled "Thêm Khách Hàng" is open, containing the following fields and controls:

- Mã khách hàng: KH007
- Số điện thoại: [Input field]
- Họ tên: [Input field]
- Địa chỉ: [Input field]
- Email: [Input field]
- CMND: [Input field]
- Buttons: Thêm, Quay Lại

To the right of the modal, there are additional input fields and controls:

- NV lập: Nguyễn Thành Lực
- KH: [Dropdown menu]
- Quantity: 1, with Tăng and Giảm buttons
- g SL: [Input field]
- g tiền: [Input field]
- khách trả: [Input field]
- h dư: [Input field]
- Thanh toán button (yellow)

Below the modal, there is a grid of product images and names, including:

- Đồ chơi búp bê công c...
- Lắp Ráp Lego Mô ...
- Đồ Chơi Đầm Hải T...
- Xe Đồ Chơi Mô Hình ...
- Bộ đồ chơi xếp hình
- Đồ chơi lò xo cầu vồ...
- Đồ chơi gà bóp kêu ...
- Đồ Chơi Cầu Cá Bằng N...
- Đồ chơi đồng xu n...
- Đồ chơi quả trứng lưới...
- Đồ chơi siêu xe ô tô biể...
- Bộ 16 Con Đồ Chơi...
- Đồ chơi lắp ráp gỗ 3D ...
- Hộp đồ chơi xe tăng 4 ...
- Bộ đồ chơi lắp ráp n...
- Bộ 4 hộp đồ chơi lắp r...
- Đồ chơi đội trưởng mỹ
- Đồ chơi người nh...
- Đồ chơi máy bay dùng ...
- Đồ chơi khủng lon...
- Robot Thông Minh Biết ...
- Hộp đồ chơi mèo Tom t...
- Hộp đồ chơi khủng lon...
- Đồ chơi nhạc cụ - Đ...
- Đồ chơi nhạc cụ k...
- Đồ chơi piano mini
- Đồ chơi đàn ghita
- Voi Đồ Chơi Âm Nhạc
- Bộ trống mini cho t...
- Gỗ Đàn Gỗ Xylophon...

Hình4.3.2 : Thêm Khách hàng

➤ Giải thích :

- Các textbox ,combobox trong form này mỗi ô tương ứng với một thông tin của khách hàng . Yêu cầu người dùng điền đầy đủ thông tin của khách hàng mới .
- Thêm : Sau khi điền đầy đủ thông tin thì người dùng sẽ nhấn nút Thêm thì thông tin của khách hàng mới sẽ lưu vào cơ sở dữ liệu và hiển thị lại trong danh sách khách hàng .
- Quay lại : Khi nhấn nút quay lại thì sẽ tắt form Thêm Khách hàng và quay lại form Bán hàng.

4.3.3 Nhập hàng

- Khi người dùng trở vào Nghiệp vụ chọn Nhập hàng trên thanh menu thì form Nhập hàng sẽ được hiển thị lên. Người dùng có thể thực hiện chức năng nhập hàng trong form này .

The screenshot shows the 'Nhập hàng' (Import Goods) form. At the top, there's a navigation bar with tabs: Tổng quan, Người dùng, Quản lý, Nghiệp vụ, Báo cáo - Thống kê, and Đăng xuất. The main area contains a table with columns: Tên sản phẩm, Số lượng, Giá, Thành tiền, and Hủy SP. The table lists four products: Đồ Chơi Khảm Răng Cá Sấu, Đồ chơi lò xo cầu vồng ma thuật, Đồ chơi đồng xu nhỏ bằng nhựa, and Đồ chơi quả trứng lưới nhiều m... (highlighted with a red box '2'). To the right of the table is a sidebar with fields for NV lập (Nguyễn Thành Lực), Sản Phẩm Mới (1), Tăng/Giảm buttons, Chọn NSX (LeGo1 - highlighted with a green circle and 'DSNSX'), Tổng SL (4), and Tổng tiền (103000). At the bottom right is a large yellow button labeled 'Nhập hàng' (highlighted with a red box '3'). Below the table is a search bar and a grid of product category icons (highlighted with a red box '1'). A speech bubble on the left says 'Load DS sản phẩm theo loại'.

Hình 4.3.3: Giao diện nhập hàng

➤ Giải thích :

- : Hiển thị danh sách sản phẩm trong cửa hàng để người dùng có thể lựa chọn sản phẩm cần nhập . Khi người dùng chọn vào 1 sản phẩm thì sản phẩm đó sẽ được hiển thị lên giỏ hàng(2).
- 2 : Hiển thị chi tiết hóa đơn nhập(Giỏ hàng) :Tên SP , Giá , Số lượng , Thành tiền của tất cả sản phẩm đã chọn trong danh sách sản phẩm(1).
- 3 : Hiển thị các thông tin của hóa đơn nhập như : (Nvlap,Tổng tiền , Tổng số lượng,...) tương ứng với chi tiết hóa đơn nhập của sản phẩm đã chọn ở bước (2) . Sau khi người dùng thực hiện xong (2) thì sẽ đến (3) người dùng sẽ chọn nhà sản xuất mình muốn nhập hàng và chọn số lượng cho mỗi sản phẩm trong giỏ hàng. Sau khi điền đủ thông tin thì người dùng nhấn nút Nhập hàng .
- Xóa : Mỗi sản phẩm trong giỏ hàng đều có nút xóa khi người dùng nhấn nút xóa thì sẽ xóa sản phẩm đó.Sau khi xóa thì Tổng số lượng , Tổng tiền của (3) sẽ được cập nhật lại .
- Tăng : Tăng số lượng của 1 sản phẩm . Người dùng chọn 1 sản phẩm muốn tăng trong giỏ hàng sau đó nhập số lượng muốn tăng vào ô numeric và nhấn nút Tăng thì số lượng , thành tiền của sản phẩm bên giỏ hàng sẽ được cập nhật lại đồng thời Tổng số lượng , Tổng tiền của (3) cũng sẽ được cập nhật lại .
- Giảm : Giảm số lượng của sản phẩm. Tương tự như nút Tăng.
- Sản phẩm mới : Thêm một sản phẩm mới .Khi người dùng nhấn nút Sản phẩm mới thì form thêm sản phẩm sẽ hiển thị lên , sau khi thêm thành công thì hệ thống sẽ tự động cập nhật sản phẩm mới vào trong danh sách sản phẩm (1).
- Tìm kiếm :Theo tên sản phẩm,người dùng nhập vào tên sản phẩm sau đó nhấn nút tìm kiếm thì sẽ hiển thị lên danh sách sản phẩm theo tên sản phẩm đó .
- Nhập hàng : Sau khi thực hiện hết các bước (1) , (2) , (3) thì nhấn nút nhập hàng thì hệ thống sẽ lưu thông tin hóa đơn nhập vào cơ sở dữ liệu và xuất ra hóa đơn nhập , người dùng có thể in hoặc không in hóa đơn nhập đó.

4.3.4 Thêm Sản phẩm

- Khi người dùng nhấn vào nút Sản Phẩm Mới trong form Nhập hàng thì form này sẽ được hiển thị lên. Form này để cho người dùng thực hiện chức năng thêm một sản phẩm mới.

The image displays a web application interface for adding a new product. The background interface includes a top navigation bar with links: **Tổng quan**, **Người dùng**, **Quản lý**, **Nghiệp vụ**, **Báo cáo - Thống kê**, and **Đăng xuất**. Below the navigation bar is a table with columns: **Tên sản phẩm**, **Số lượng**, **Giá**, **Thành tiền**, and **Hủy SP**. To the right of the table is a sidebar with a form for **NV lập:** containing a **Sản Phẩm Mới** button, a quantity input (1) with **Tăng** and **Giảm** buttons, and a **Chọn NSX:** dropdown set to **LeGo1**. At the bottom right is a yellow **Nhập hàng** button. The **Thêm Sản Phẩm** modal form is overlaid on the background. It has fields for: **Mã SP:** SP061, **Giá:**, **Tên SP:**, **Độ tuổi:**, **Mô tả:**, **Loại SP:** (dropdown set to **đồ chơi trẻ nhỏ**), and **Nhà sản xuất:** (dropdown set to **LeGo1**). It also has **Thêm** and **Quay Lại** buttons.

Hình 4.3.4 : Thêm sản phẩm

➤ Giải thích :

- Các textbox ,combobox trong form này mỗi ô tương ứng với một thông tin của sản phẩm . Yêu cầu người dùng điền đầy đủ thông tin của sản phẩm mới .
- Thêm : Sau khi điền đầy đủ thông tin thì người dùng sẽ nhấn nút Thêm thì thông tin của sản phẩm mới sẽ lưu vào cơ sở dữ liệu và hiển thị lại trong danh sách sản phẩm .
- Quay lại : Khi nhấn nút quay lại thì sẽ tắt form Thêm Sản phẩm và quay lại form Nhập hàng.

4.3.5 Báo cáo – Thống kê

- Form này để cho admin thực hiện chức năng xem,tính toán và in các báo cáo , thống kê hoạt động của cửa hàng trong một khoảng thời gian để nắm được các thông tin , số liệu của cửa hàng như :số lượng , doanh thu ,khách hàng , sản phẩm , ...

Báo cáo sản phẩm

☒ Theo danh sách sản phẩm

☐ Theo loại sản phẩm đồ chơi trẻ nhỏ

☐ Theo gom nhóm sản phẩm

Báo cáo khách hàng, NSX và Tài khoản

☐ Theo danh sách khách hàng

☐ Theo danh sách NSX

☐ Theo danh sách Tài khoản

Thống kê theo thời gian 21/12/2018 Đến: 21/12/2018

Bán hàng

☐ Theo tổng số hóa đơn bán

☐ Tổng doanh thu theo nhân viên TK001

☐ Theo tổng sản phẩm đã bán

☐ Theo sản phẩm bán chạy nhất

☐ Theo Tổng doanh thu

☐ Theo tổng số hóa đơn hủy

Nhập hàng

☐ Theo tổng số hóa đơn nhập

☐ Theo tổng số hóa đơn hủy

Xem báo cáo

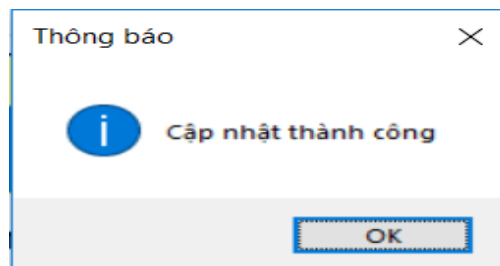
Hình 4.3.5 : Báo cáo – Thống kê

➤ Giải thích :

- Báo cáo sản phẩm : Gồm các loại báo cáo như : Theo danh sách sản phẩm , theo loại, gom nhóm sản phẩm .Người dùng có thể chọn 1 trong những tiêu chí đó để xem hoặc in ra .
- Báo cáo khách hàng , NSX và Tài khoản : Tương tự như báo cáo sản phẩm .
- Bán hàng :Gồm các loại thống kê , người dùng chọn 1 trong những loại thống kê để xem hoặc in ra .Sau khi chọn tiêu chí thống kê thì người dùng chọn khoảng thời gian mình muốn xem.
- Nhập hàng : Gồm các loại thống kê , người dùng chọn 1 trong những loại thống kê để xem hoặc in ra .Sau khi chọn tiêu chí thống kê thì người dùng chọn khoảng thời gian mình muốn xem.

4.4 Thông báo

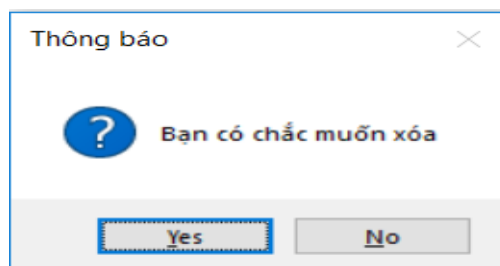
4.4.1 Cập nhật thành công



Hình 4.4.1: cập nhật thành công

- Khi sửa các thông tin thành công thì câu thông báo hiện ra, thông báo "*cập nhật thành công*"

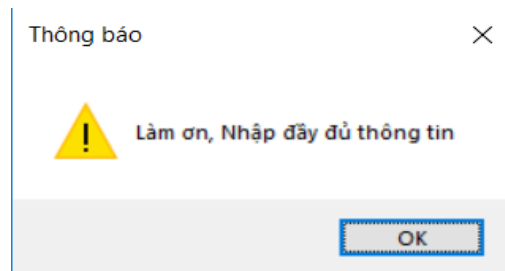
4.4.2 Bạn có chắc muốn xóa



Hình 4.4.2: bạn có chắc muốn xóa

- Khi xóa một thông tin trước khi xóa một câu thông báo hiện ra, thông báo "*bạn có chắc muốn xóa*"

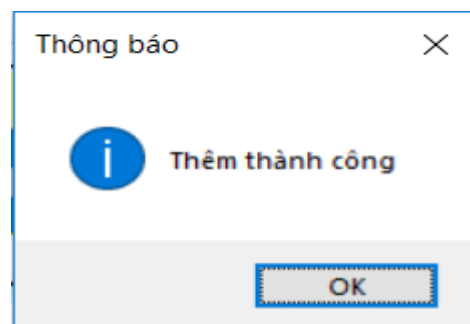
4.4.3 Nhập đầy đủ thông tin



Hình 4.4.3: Nhập đầy đủ thông tin

- Khi thêm một thông tin nếu chưa nhập đủ tất cả các thông tin thì câu thông báo hiện ra, thông báo "*làm ơn, nhập đầy đủ thông tin*"

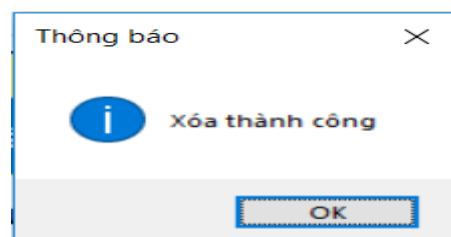
4.4.4 Thêm thành công



Hình 4.4.4: Thêm thành công

- Khi thêm một thông tin thành công sẽ xuất hiện thông báo "*Thêm thành công*"

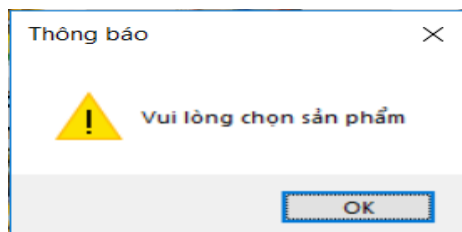
4.4.5 Xóa thành công



Hình 4.4.5: Xóa thành công

- Khi xóa đi một thông tin sẽ xuất hiện câu thông báo "*bạn có chắc muốn xóa*" khi nhấn nút Yes thì câu thông báo xóa thành công sẽ hiện ra với câu thông báo "*xóa thành công*"

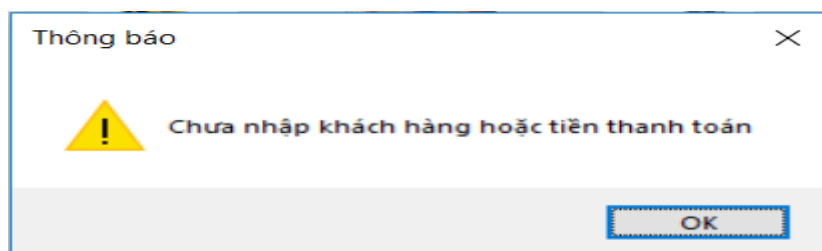
4.4.6 Vui lòng chọn sản phẩm



Hình 4.4.6: Vui lòng chọn sản phẩm

- Khi thanh toán nếu trong giỏ hàng không có sản phẩm thì xuất hiện câu thông báo "*vui lòng chọn sản phẩm*".

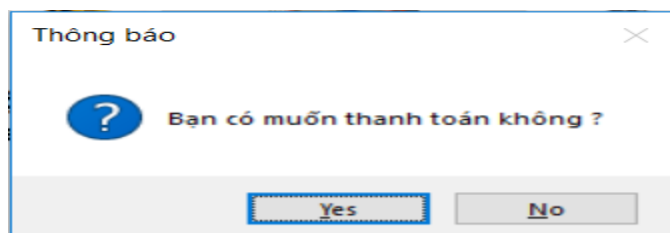
4.4.7 Chưa nhập khách hàng hoặc tiền thanh toán



Hình 4.4.7: Chưa nhập khách hàng hoặc tiền thanh toán

- Khi thanh toán nếu chưa nhập đầy đủ thông tin của khách hàng hoặc chưa nhập số tiền khách trả sẽ xuất hiện câu thông báo "*chưa nhập khách hàng hoặc tiền thanh toán*".

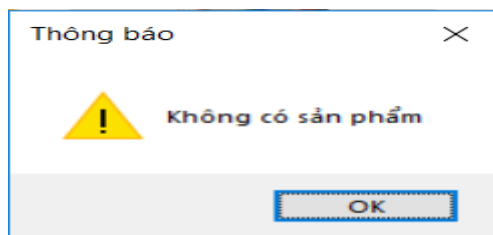
4.4.8 Bạn có chắc thanh toán



Hình 4.4.8: Bạn có chắc muốn thanh toán

- Khi nhấn nút thanh toán sẽ xuất hiện câu thông báo “*bạn có muốn thanh toán không?*”

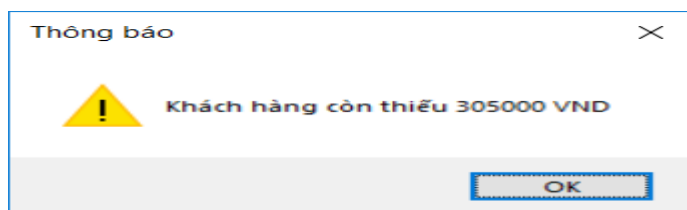
4.4.9 Không có sản phẩm



Hình 4.4.9: Không có sản phẩm

- Khi nhấn nút tăng hoặc giảm mà trong giỏ hàng không có sản phẩm nào để tăng hoặc giảm sẽ xuất hiện câu thông báo “*không có sản phẩm*”

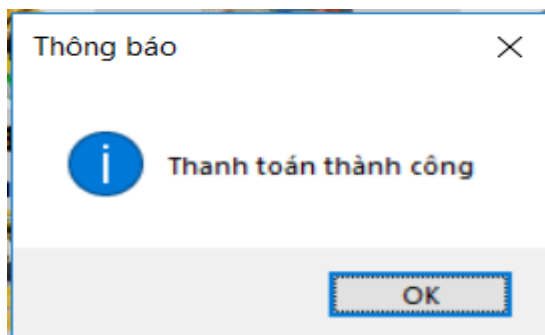
4.4.10 Khách hàng nhập thiếu tiền



Hình 4.4.10: Khách hàng nhập thiếu tiền

- Khi nhân viên bán hàng nhập vào số tiền khách hàng trả nhỏ hơn số tiền tổng hóa đơn thì sẽ xuất hiện thông báo trên.

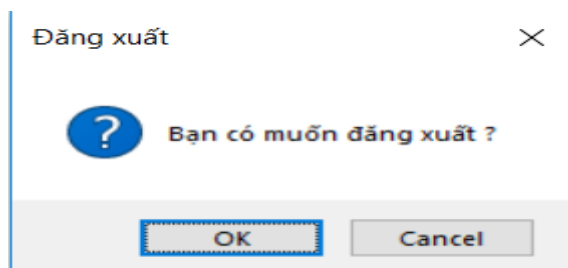
4.4.11 Thanh toán thành công



Hình 4.4.11: Thanh toán thành công

- Khi nhấn nút thanh toán sẽ xuất hiện câu thông báo “*bạn có muốn thanh toán không?*”, khi chọn Yes sẽ xuất hiện câu thông báo “*thanh toán thành công*”

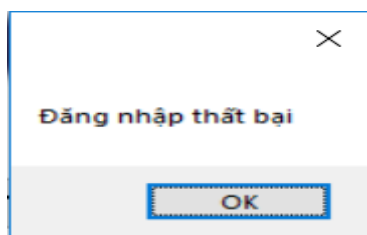
4.4.12 Hỏi khi đăng xuất



Hình 4.4.12: Hỏi khi đăng xuất

- Khi người dùng nhấp chuột vào nút đăng xuất thì sẽ xuất hiện thông báo trên. Chọn 'OK' thì sẽ đăng xuất khỏi hệ thống và quay về đăng nhập, chọn 'Cancel' để đóng thông báo trên.

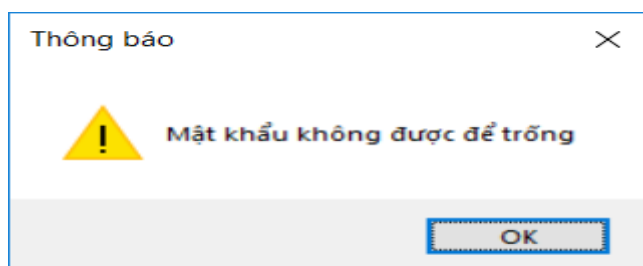
4.4.13 Đăng nhập thất bại



Hình 4.4.13: Đăng nhập thất bại

- Khi người dùng nhập sai mật khẩu thì xuất hiện thông báo trên.

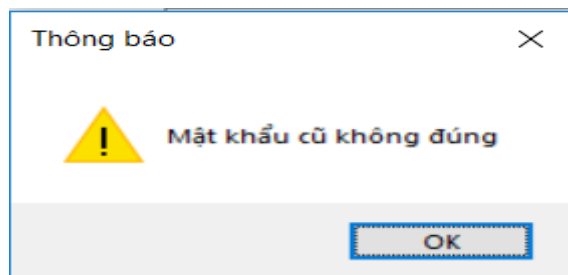
4.4.14 Mật khẩu không để trống



Hình 4.4.14: Mật khẩu không để trống

- Khi đổi mật khẩu phải nhập đầy đủ các thông tin nếu không sẽ xuất hiện thông báo trên.

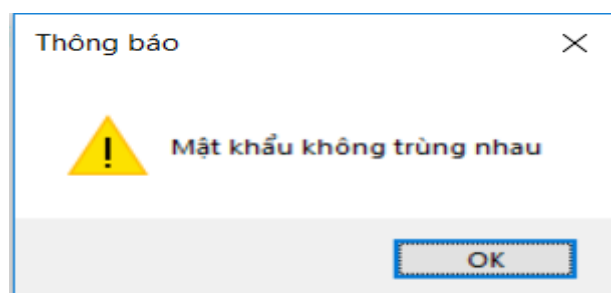
4.4.15 Mật khẩu cũ không đúng



Hình 4.4.15: Mật khẩu cũ không đúng

-Khi đổi mật khẩu, phải nhập đúng mật khẩu cũ nếu không sẽ hiển thị thông báo trên.

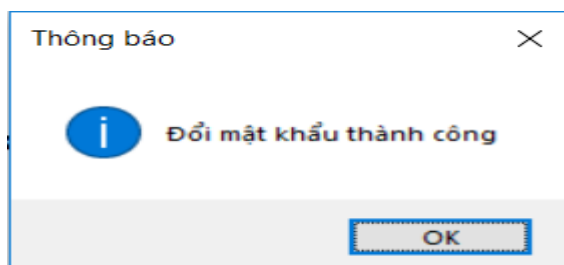
4.4.16 Mật khẩu không trùng nhau



Hình 4.4.16: Mật khẩu không trùng nhau

-Khi đổi mật khẩu, mật khẩu mới và nhập lại mật khẩu mới phải trùng nhau nếu không sẽ xuất hiện thông báo trên.

4.4.17 Đổi mật khẩu thành công



Hình 4.4.17: Đổi mật khẩu thành công

-Khi đổi mật khẩu, mọi thứ đã hợp lệ và đổi mật khẩu thành công thì sẽ xuất hiện thông báo trên.

